

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYÊN 10

CHÁNH LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

Người tu theo pháp môn niệm Phật, hiểu rõ giáo pháp để lại của đấng Pháp Vương, làm theo lời dạy bảo của Ngài, phá tà hiển chánh, rửa sạch dơ bẩn, nêu cao thanh tịnh, vì hậu học ngu muội chỉ dạy cho họ. Nếu người không có khả năng dẫn dắt chúng sinh thì im lặng, tự mình giữ gìn tu tập cũng vào được cửa đạo. Tuy giảng dạy cho người khác, mình cũng nên lấy đó mà thực hành, há không nghe nhờ nơm mới được cá ư? Cũng vậy, trước phải thể nhận giáo pháp, sau đó mới tu hành. Nói là dạy bảo người chưa được Chánh hạnh thì phải làm thế nào? Nên không thể không nói. Vì thế Trọng Ni (Khổng tử) cho là chánh trước phải làm cho chánh cái bất chánh của mình. Khi Phật nhập Niết-bàn để lại lời răn dạy cần thiết ở chỗ sửa lỗi. Tôi từng xem thấy Đức Phật Thế Tôn khi đến làm vua Tây Trúc (?) biểu thị điều vô hình, nói lời vô ngôn để chế phục tâm tánh quần sinh, do đây có đủ các thứ pháp môn: Đốn giáo, Tiệm giáo, Đại thừa, Tiểu thừa v.v... ở cung rồng hay đáy biển tất cả đều cùng một mục đích là phá tà hiển chánh, trừ dơ lấy sạch. Chúng sinh được sự giáo hóa của Phật, người sửa đổi tâm tánh nhiều không thể tính kể. Thời nay thiên về khen ngợi cảnh giới Tây phương. Cho rằng đây là con đường tắt của Sự tu hành. Bởi vì Phật A-di-đà có nguyện lực rộng lớn, thấu nhiếp tất cả chúng sinh trong cõi Ta-bà sinh về Tịnh độ. Đây là khiến chúng sinh bỏ vọng chứng chân. Vì thế chư Phật đều khen ngợi, Bồ-tát cùng vâng theo, khắp nơi sáng lập các tổ chức tu tập. Nên phong cách cao vời của ngàn xưa không mất đi, lòng Từ bi chiếu khắp, sám hối mười phương, chánh pháp lưu thông rộng lớn. Con đường Tịnh độ thể, lấy Di-đà tức bản tánh; tông lấy Tịnh độ tức duy tâm, dụng lấy lòng nhân từ tức khoan dung bỏ ác, sinh thiện. Ba điều này là để nói lên báo ứng ba đời nên lập ra như vậy. Nhất tâm vắng lặng, cùng tột lý của nó thì khiến ta đạt đến chân lý, ngược lại với

vọng. Người tin việc này, khéo dùng đây mà làm lợi ích chúng sinh. Pháp này thật sự giúp cho giáo dục của Chu, Khổng (Chu Văn vương - Khổng Tử), Ủng hộ sự giáo hóa Phật pháp một cách lớn lao, rộng rãi. Một người thực hành pháp này có thể dạy bảo một nhà, một nhà có thể dẫn dắt một làng, một làng có thể truyền đạt khắp một nước, cho đến vô cùng. Vì thế tất cả người dân trong thiên hạ đều được thấm nhuần đạo pháp, thọ hưởng phước đức, sáng ngời Thật tướng. Muốn bước lên cao không gì bằng cảnh giới Phật cùng cực. Há chỉ cho rằng thiện nhân, quân tử là hơn cả sao? Như thế thì còn lo gì trung hiếu mà không tu, lễ nghĩa mà không biết? Lấy điều này quán sát há chẳng phải đạo của Đấng Năng Nhân và đạo Trọng Ni đều là các nguyên tắc tiêu biểu để dạy người dân sao? Trải qua các triều đại rất tôn trọng học thuyết của Khổng Tử, áp dụng rộng rãi cách giáo dục này. Nhưng đến thời Tượng pháp chẳng phải người này mở rộng giáo pháp Phật thì tệ hại sinh ra. Người thành thật chân tu lần lần không còn. Có người lấy sự cao lớn của Phật đường làm chỗ để khoe khoang danh lợi, được ấm no là biết làm việc, đồ đệ đông là quý thì đó là phá hoại đạo này mà thôi. Những lời nói quái dị lại cho là hay, làm mê hoặc người nghe, khiến họ chạy theo tướng, noi theo khuôn sáo cũ, trở thành người thấp hèn xấu xa, mỗi ngày càng lẩn lộn chân ngụy. Những người làm cho tông phong thanh tịnh, nhân từ tha thứ thì ngày một mất. Do đó đạo Phật bị hủy báng cũng từ đây. Việc này là do con người, chẳng phải lỗi của giáo pháp. Người đời nay đa phần không xem xét nguyên do, thấy đồ đệ người là kẻ bất tiến lại chuyển giận sang người thiện vào giáo pháp có khác gì vì viên châu nhỏ mà làm tội vua Nghiêu, ân thưởng mà đổ lỗi, cho vua Thuấn, phục được không điều độ lại đổ lỗi cho Thần Nông. Bị lửa thiêu đốt lại oán người cầm đuốc. Người ngu, kẻ bất tài học pháp của Phật đã lâu, nhưng chỉ lãnh hội được chút ít, lại có tâm đờ đẫn. Họ chẳng dám để riêng một mình mình biết, mà muốn công bố với đại chúng để cứu vãn sự tệ hại của đại chúng.

Thường cho rằng giáo môn có bốn điều lợi hại:

1. Thầy truyền trao mà không hiểu rõ giáo pháp, thì pháp tà sẽ lớn mạnh, làm tổn thất chân lý.
2. Giới pháp không thực hành, cương thường (ba cương năm thường) rối loạn, sẽ phạm những điều cấm.
3. Giáo lý chưa rõ, bàn luận nghĩa lý, mê hoặc đại chúng.
4. Hạnh nguyện không tu, mê lầm đi trong ngõ tà, rơi vào đường ma.

Do sự tán loạn này làm cho kẻ hậu học như đui như điếc. Kẻ hậu học chẳng phải chỉ bị thương tổn mặt mày thôi. Hạng tự thị, hưởng thụ một truyền lại mười, mười truyền lại một trăm, một trăm truyền ngàn vạn, giống như cho chất độc vào biển. Vì sao biết? Vì chánh thuyết khó thực hành mà tà phong thì dễ nhiễm, lý tất nhiên là như vậy. Ôi? đạo Tổ thất truyền đã lâu, nên muốn cho con người không bị mê hoặc là việc làm rất khó.

Tôi tuy không thông minh, nhưng thật lòng thương xót chúng sinh, nên muốn chia ra từng điều để phân tích nghĩa lý, rộng rãi như trước đã nghe, bỏ nguy theo chân, khai mở cho hậu học ngày nay. Nhưng tôi chỉ tiếc mình không có trí tuệ biện tài, sự thấy biết nhỏ hẹp, vì vậy trai giới nhất tâm, đầu thành đảnh lễ Tam bảo, tìm cầu đại giáo, tham khảo huyền văn, định ra chánh tông, phá các dị thuyết, tổng kết thành chánh luận niệm Phật. Phân tích chứng minh cách ngôn của Phật, Tổ, phổ biến khắp nơi cho mọi người đều bước lên đường giác, ngõ hầu khiến cho Thánh giáo che kín lại được sáng tỏ, tội của chúng sinh trở thành phước.

Có vị khách đến hỏi: Tu hành tự rõ được sinh tử của mình cần gì phải nói về sở trường sở đoản của người khác?

Tôi trả lời: lý đó không đúng. Há không nghe Như Lai ra đời, không một pháp nào không phải là lợi sinh. Bồ-tát tu hành không một mảy may nghĩ đến thân mình. Phật tử thị hiện đồng với ngoại đạo, dùng phương tiện chuyển đổi tâm tà của họ. Mười thứ dân ma trong kinh Lăng-nghiêm đều do lý giải sai lầm. Mười nghiệp ma trong kinh Hoa Nghiêm đều hiển bày chỗ trở về chân chính. Than ôi! Ác tuệ do tà tu tự mình cam chịu rơi vào đường hiểm. Gặp cảnh này đâu thể nào im lặng, nghĩ đến sự ngu si kia lẽ nào ngồi nhìn như vậy? Huống chi lòng từ của Đức Thế Tôn phó chúc lưu lại nguyện lớn, cứu độ khắp chúng sinh. Bồ-tát như giáo tu hành thị hiện đồng sự để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều thành Phật. Đó là bản hạnh của họ, còn nghi ngờ gì nữa, thấy đường mê mà không chỉ đường chánh, lòng Từ bi đâu nữa thấy chúng sinh chìm đắm mà không nghĩ cách cứu vớt. Nên bất cứ ở đâu, chúng ta cũng phải dùng phương tiện, thuận theo chánh pháp để phá tà ma. Đây là việc làm của bậc Đại trí vô thượng, điều phục chúng sinh đi vào cửa đạo, là chỗ thâm nhiếp của chư Phật. Tôi thể bỏ thân mạng để lập chân tông, trọn đời không quên lời dặn dò của chư Phật. Chúng sinh dù hết nhưng tâm từ bi vẫn còn, hư không đâu cùng tận mà nguyện con không cùng. Nếu gặp được Bậc hiền có trí thì sẽ giúp đỡ, hoằng hóa

rộng rãi đạo này. Có thể nói đem tâm tâm thờ phụng chúng sinh ở các cõi nhiều như bụi, ấy gọi là báo ơn Phật.

1. Nói về Phật Di-đà ở Tây phương.

Phật bảo: Thế giới Cực lạc ở Tây phương có Phật hiệu A-di-đà. Như kinh đã nói vừa có lý vừa có sự (dấu tích).

Nói về lý: Tây phương tức là tự tánh, tánh này không hình, không tướng, không biến, không hoại, trải qua nhiều kiếp vẫn bền chắc, thí như tinh kim trong dịch quái (bát quái trong kinh dịch) thì gọi là quẻ đoài. Vì là tịch tĩnh, nên gọi đó là Tây phương. Kim có màu sắc sáng, thể nó trong sạch, nên kim để dụ cho pháp tánh. Bởi vì người đời tham mê trần cảnh, vọng niệm không dừng, Rối rắm, loạn động ở trong dịch quái, gọi là quẻ chấn, nên cho là Đông phương (Ta-bà). Người bỏ vọng theo chân, trở lại bản tánh thanh tịnh của mình, được thấy tự tánh, thì gọi là xả những dơ uế chấp trước ở phương Đông, bước lên đất vàng, sáng đẹp ở Tây vực (Tịnh độ). Tại phương hay vô phương dùng pháp làm ví dụ biểu thị cho lý thể. Hoa Nghiêm Hợp luận cho rằng Ngài Văn-thù từ phương Đông đến. Bởi Ngài Văn-thù là trí căn bản bất động. Phương Đông là nơi bắt đầu xuất phát ánh sáng nơi đầu tiên muôn vật phát sinh chấn động. Từ trí này sinh tín tâm, cho nên Hoa Nghiêm xếp Tín vị vào đầu tiên. Khoảng giờ sửu giờ dần nhà Phật cho là sáng sớm, mặt trời trí tuệ bắt đầu sáng, giống như Ngài Văn-thù phát khởi. Phạm phu nhập tín thấy đạo thì trí sáng dần dần thêm rõ. Nên ứng quẻ tổn là phong, là gió giáo hóa bỏ dơ chọn sạch! Trong khoảng giờ thìn giờ ty trên ứng với sao giác, là tăng đạo, là trai giới, là cửa các thiện pháp, dụ cho địa vị tấn tu; đến giờ ngọ là Trung đạo. “Dịch quái” gọi quẻ ly là phương Nam, là giữa trưa, là mặt trời, là sáng sửa. Vì lúc ấy mặt trời cách xa hư không nên rất sáng, giống như các pháp là không thì mặt trời trí tuệ sẽ giống như mặt trời chiếu khắp thiên hạ. Long nữ trong kinh Pháp Hoa thành Phật ở phương Nam, chính là nghĩa này. Tây Nam là là quẻ khôn, là đất, là an tịnh, là nhu thuận, là mẹ, là sinh dưỡng, hương Tây là quẻ đoài, là nơi đất tốt đẹp. Mặt trời lặn, ánh sáng không còn vào giờ Dậu, là vắng lặng, là ẩn mất. Tây Bắc là quẻ càn, là thiên, là cha, là kim, là mạnh mẽ. Phương Bắc là quẻ khảm, là thủy, là vua, là thầy, lợi sinh, cứu vật, thừa giáo, chánh trị, dùng thủy chế ngự hỏa, vua đối với quan, quan sáng thì vua chánh, lại nữa thủy (nước) nhiều thì sẽ tràn ngập Đông Bắc là quẻ cấn, là núi, là chỉ phương dưới, là thiền định, là khiêm nhường! Phương trên là quán chiếu, là trí tuệ, là không giới, như chỗ ba ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và sao chiếu đến muôn vật.

Trong kinh không nêu các phương khác mà chỉ nêu phương Tây. Bởi vì lấy sạch đối với dơ, lấy ngộ nhiếp mê, lấy tĩnh đối với động, lấy quả đối với nhân. Qua mười muôn ức cõi nước là qua khỏi hạn lượng của mười phương: Bốn phía, bốn góc trên dưới, vượt qua mười nghiệp ác trong bốn đường ác, vượt trên cảnh giới thập thiện của trời người, không bị các pháp câu chấp, cũng có thể giới: Lý địa chân như thật tế tức là tự tánh Cực lạc Tây Phương. Tức là nói tánh này không phiền não. Vì sao biết nó như vậy? Vì người thấy tánh không bị trần cảnh mê hoặc, rõ biết các pháp là không, tâm thường bình thản, vô niệm, vô vi, không suy nghĩ, không lo lắng, an trụ nơi vắng lặng hoàn toàn nên niệm niệm thường sinh trí tuệ, pháp pháp đều như, ngã là pháp vương. Đối với các pháp tự tại, nên gọi là Cực lạc.

Nói về sự thì thật có thể giới ấy, Phật dặn dò rõ ràng, lại nói rõ về thế giới này, há lưỡng đối sao? Nói có thì chẳng phải có xứ sở phương vực. Có mà không có tức là chân không diệu hữu. Chân không tức là Thật tướng. Diệu hữu là pháp giới sum la huyền mục giao, tham khảo qua lại há có thể biện luận về Đông, Tây ư! Kinh Viên Giác ghi: tất cả Như Lai quang nghiêm trụ trì là giác địa thanh tịnh, bình đẳng của chúng sinh. Bởi vốn viên mãn mười phương, thuận theo không hai, nơi cảnh không hai hiện ra các Tịnh độ. A-di-đà là tiếng Phạm, Hán dịch là Vô Lượng Thọ. Phật là giác, tức là Đức Phật pháp thân thanh tịnh, tánh viên giác rộng lớn, vượt trên chức phận làm người. Tánh này không sinh, không diệt, suốt xưa đến nay, trên đến chư Phật, các Bồ-tát, dưới đến chúng sinh trong sáu đường, mỗi mỗi đều sẵn có tánh giác. Vì thế gọi là cùng tên, cùng hiệu. Than ôi! Người đời mê muội, vọng chấp sắc tướng, điên đảo tìm cầu, cam chịu đắm chìm. Đức Phật ứng theo thế gian khai mở pháp môn phương tiện, khen ngợi Tịnh độ khiến cho chúng sinh mến tin. Nếu tự mình chấp nhân, tự mình tin tưởng mới ngộ được ánh sáng vững chắc là Tây phương tận Tây. Lửa mê hoặc diệt thì các cõi đều là tịnh. Vậy thì biết, các thế giới trong mười phương đều gọi chung là Di-đà, mắt thấy cảnh, gặp duyên đều là Cực lạc. Trăm ngàn Tam-muội ứng với niệm hiện tiền, vô lượng pháp môn tùy tâm hiển bày. Cao siêu thấy suốt là lậu các, dạy dỗ làm lợi chúng sinh gọi là cung điện. Ngăn trừ tội lỗi, giúp đỡ việc lành gọi là lan can. Thanh tịnh vô nhiễm gọi là hoa sen, hoàn toàn trong sạch gọi là ao. Tùy theo vuông, hay tròn gọi đó là nước. Nhân từ lợi ích cứu độ chúng sinh gọi đó là báu. Hương thơm giới, định, tuệ gọi đó là hương. Bảy hàng cây Bồ-đề che mát lớp lớp. Đường bát Thánh đạo dạo đi bằng phẳng. Các

điều lành trang nghiêm thành khóm hoa đẹp. Muôn đức thành tựu, quả vị tròn đầy, giáo hóa cùng khắp. Chim giăng nói pháp âm, gió thổi lay động cây báu truyền bá đạo phẩm. Đến ruộng đất nơi ấy càng phải bảo vệ, tu dưỡng cho đến lúc qua đời, mãi mãi không lui sụt, thứ thái mà ra đi, mới là người xong việc. Nếu chưa được như vậy, thì không được dời núi lấp sông, bỏ vàng lấy củi, nhận thức sai lầm sắc thân là rốt ráo. Phải tin biết sinh tử là việc lớn, chớ nên nhàn rỗi, nên tìm hỏi các bậc chân trí, gạn lọc tâm yếu, thật sự niệm Phật cầu ngộ Đại thừa, thấy rõ bản tánh Di-đà, đạt đến duy tâm Tịnh độ, có thể nói tuy ruộng đất, lâu các tốt đẹp như thế, nhưng phải một lần đến đó mới được nghỉ ngơi.

2. Nói về Bản tánh chân như.

Bản tánh chân như là Thể nhất chân vô vọng khi cha mẹ chưa sinh ra, gọi đó là mặt mũi xưa nay. Thiên tông gọi là Chánh pháp nhãn tạng, Liên tông gọi là bản tánh Di-đà, Khổng Tử gọi là “Thiên lý”, kinh dịch gọi là “Thái cực”. Tên gọi tuy có khác nhưng thật ra thì cùng một chân như bản tánh. Tánh này rỗng rang vắng lặng, cùng một gốc với trời đất, một gốc với muôn vật. Bản tánh chân như trải qua kiếp số như bụi nhỏ mà không cũ mục, thế giới hư hoại mà nó không dời đổi. Con người không thể đảm nhận bản tánh chân như này nên phải nhờ vào các chất đất, nước, lửa, gió hòa hợp mới nhận được thân hình này, lại nhờ tinh cha huyết mẹ tạo nên. Tuy nó bị hôn mê nhưng thể vẫn thanh tịnh. Đến khi con người sinh ra, vì năm trần sáu dục làm điên đảo mê lầm, làm mê mờ thiên chân sẵn có. Cho nên Đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tất cả đều là dẫn dắt con người bỏ vọng về chân, con đường thẳng tắt dễ đi chỉ có pháp môn niệm Phật. Người tu theo pháp môn này, tâm không tán loạn, Tam-muội hiện tiền, chính là trở về bản tánh của mình. Ngày nay có hạng người không nghiên cứu Phật lý. Người này lại lấy cửa đạo để tu dưỡng pháp, giả mạo lạm dụng liên tông (Tông Tịnh độ), vọng thuyết khí là chủ nhân, dạy người ban tinh vận khí, làm lao nhọc gân cốt, uống dụng thân tâm, vì thế cam chịu khổ cực, cuối cùng không thể cứu vớt được. Từng quán sát cửa đạo, Trương Tử Dương nói: Tinh, khí, thần, trước tiên là nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần của trời đất. Nguyên tinh chẳng phải tinh của dâm dật, nguyên khí chẳng phải khí hô hấp, nguyên thần chẳng phải thần lo nghĩ, người ngu si không hiểu ý này, gọi cái hũ là cái chuông, mắt đã không rõ, lý cũng không đạt, mà lại giả vờ để dẫn dụ các thanh tín (cư sĩ). Xưa nay vẫn ở nơi túi da hôi thúi tạo tác mê muội, đi ngược lại nhất chân Phật tánh, vọng nói đây là tu hành, thật đáng thương thay!

Thông báo khắp các bạn đồng tu nên chú ý, dốc lòng niệm Phật để khai ngộ nguồn chân. Nếu khi tự mình đã rõ ràng thì thấy các pháp hiện tiền. Đây gọi là thấy tánh thành Phật. Một niệm sai lầm thì cách xa như trời với đất.

3. Nói về Thân, Tâm chân vọng.

Nói về Thân: Thân có pháp thân và sắc thân, truyền rằng: Tất cả pháp chân cảnh, trí minh là thân, nên gọi là pháp thân. Thân nhờ cha mẹ sinh, hư huyền không thật, nên gọi là sắc thân.

Nói về Tâm: Tâm có chân tâm và vọng tâm. Trong sạch sáng suốt, rỗng sáng, linh thông gọi là chân tâm. Tùy cảnh sinh diệt, bỗng chốc có, giây lát lại không, gọi là vọng tâm. Tổ sư khuyên tu Tam-muội niệm Phật là từ trong chân tâm của mình lưu xuất một câu A-di-đà Phật. Niệm niệm quán chiếu, pháp pháp viên thông, ấy gọi là nhiếp cả lục căn, tịnh niệm nối nhau. Trong một niệm được Tam-muội phổ hiện sắc thân. Thời nay có hạng người không biết chân vọng, nhận thức sai lầm sắc thân là thân ta, cho vọng niệm là rốt ráo, bỏ bê sự tu hành, nhận lấy sự sung sướng, làm kiêu làm dáng mà hy vọng thành đạo, không phải là sai lầm sao? Có thể nói rằng: “Bỏ đi vàng ròng mà lấy gạch ngói”. Phàm phu học đạo phải phân biệt chân ngụy. Cho nên Tông Cảnh nói rằng: Tu đạo lấy tâm làm Tông, lý cần phải rốt ráo vi tế. “Y cứ theo thế giới hữu tình thì chân vọng dường như có phân chia không thể giống nhau được”. Nên có ảnh hưởng đến viên giác. Như quặng vàng bị đốt, chân ngụy mới phân chia. Cát gạo cùng nấu thì sống, chín rõ ràng khác nhau. Vì thế chúng sinh nhận lầm giác làm con, nên bị cướp mất tài sản quý báu của gia đình. Lại nhận mất cá làm trăn châu, làm mê mờ trí, thành người ngu si, rơi vào ngõ cụt không lối thoát. Người tà kiến, hiểm độc bị chìm trong sóng thức của sông kiến chấp, vui chơi trong ngôi nhà cũ mục đang cháy dữ dội, quên cả khổ nhọc, ngủ trong đêm dài vô tận. Tâm tánh mê mờ đều do chấp vào duyên lự, cho là thân mình, bỏ mất chân tâm này chạy theo thanh, sắc bên ngoài. Đây là lỗi của phàm phu, ngoại đạo. Hoặc có người học Thiền chấp vào phương tiện Phật chế, khiến mở ra tám võng thừa để đối lại bốn cơ. Chỉ vượt qua một niệm là ra khỏi tam-kỳ. Như thế, uổng công cho một kiếp đi tìm đảo châu báu lại bị chìm đắm dưới hố sâu, không tìm ra đường về. Đây là lỗi mê mờ theo vọng tâm, không được chân tâm. Người thông suốt thật lý thì động mà tĩnh, người ngu muội cho Tây là Đông, dù cho có đời núi lấp biển cũng không phải là năng lực vô vi, dù cho đi trên hư không, bước trên mặt nước cũng đều là thần thông hữu lậu. Phân biệt ngọc phải đúng,

xem xét châu phải trong sạch. Nếu chạy theo ngoại cảnh mà tìm tâm thì chỉ thấy vầng ánh sáng tròn trước mắt có màng. Nếu thuận theo pháp giới tánh, hợp với tâm chân như, thì đây là đốn nhập biển từ bi lớn của Như Lai. So với người như túi da chấp tướng tu trước, há có thể nói cùng một thứ ư!

4. Nói về Tam bảo.

Trong giáo nói: Bạc-già-phạm (Phật) mười phương, viên mãn Tu-đa-la (kinh), Đại thừa Bồ-tát tạng, công đức khó nghĩ bàn.

Tam bảo có ba thứ:

1. Đồng thể Tam bảo: nghĩa là lý chân như, tự tánh khai giác gọi là Phật bảo; quy tắc dùng đức, tự tánh chánh giác gọi là Pháp bảo; cử động không trái, không tranh cãi, tự tánh thanh tịnh gọi là Tăng bảo.

2. Xuất thế Tam bảo: nghĩa là Pháp thân, Báo thân, Hóa thân tùy loài ứng hiện, ấy là Phật bảo. Nói về Lục độ bốn đế, mười hai nhân duyên gọi là Pháp bảo. Mười địa Bồ-tát, bốn hướng, năm quả gọi là Tăng bảo.

3. Thế gian trụ trì tam bảo: Đó là tượng đắp, khám đất gọi là Phật bảo. Quyển vàng, gáy đỏ gọi là Pháp bảo. Đầu tròn áo vuông gọi là Tăng bảo.

Quy y: Cảm ứng các vị trời che chở. Cúng

đường: Được ruộng phước vô lượng.

Ngày nay có người tà ngu không hiểu, giả soạn ra kinh chân tông diệu nghĩa, vọng nói “tinh” là Phật bảo, “khí” là Pháp bảo, “thần” là Tăng bảo, truyền học với nhau khiến cho người đã nhập thiện môn lại tin tà thuyết này, không kính Tam bảo, thật đáng thương xót!

Nếu không kính tin Tam bảo thế gian thì tự làm mê muội tâm mình. Tâm mình mê muội thì quên mất bản tánh. Đồng thể và xuất thế tam bảo do đâu có được? Tự dối gạt mình lại dối gạt người khác, có thể nói rằng đây là chia rẽ con đường trời người, làm mù mắt trời người, hủy báng chân giáo nhân quả, khe khắt với thuần phong định tuệ, thật không còn gì hơn việc này!

Phật dạy: Nếu tất cả chúng sinh không quy y Tam bảo, thì muôn kiếp đoạ trong ba đường ác. Huống chi Ngài Từ Chiếu tập hợp kinh thành sám, khiến cho người học nương theo nghĩa sâu xa của kinh Đại thừa. Từ thân ngày nay đến thân Phật là Phật thường trụ, là Pháp thường trụ, là Tăng thường trụ cho chúng sinh trong pháp giới quy y. Người lành chánh tín đã được nghe, nghe rồi đọc tụng lễ lạy, thật phải tự mình kính, tự mình tin thì tâm kính tin này mới gần với Phật đạo. Hễ thấy tất cả

tượng Phật đều khởi ý tưởng đến Như Lai, thấy tất cả Thánh giáo đều sinh ý nghĩ khó gặp, thấy tất cả Tỳ-kheo Tăng, thì khởi ý tưởng đến các vị Tổ sư, chúng ta phải lễ bái cúng dường không được xem thường, dùng trang nghiêm Phật mà trang nghiêm chính mình, như vậy thì Tam bảo nhất thể, duy tâm đầy đủ. Nếu chấp vào kiến giải thấp hèn, mê mờ căn bản của mình, vọng tin tà giáo, làm mê hoặc hậu học, tự mình chịu đắm chìm, mãi mãi chìm trong đường ác. Lỗi này tại ai?

5. Nói về thấy, nghe, hay, biết.

Người xưa nói: Ở trong thai gọi là thân, ở ngoài đời gọi là người. Ở mắt gọi là thấy, ở tai gọi là nghe, ở mũi ngửi mùi, ở miệng bàn luận, ở tay cầm nắm, ở chân chạy nhảy, hiện khắp sa giới, thấu nhiếp trong một hạt bụi. Người biết gọi là Phật tánh, người không biết gọi là tinh hồn. Đây lại có hạng người ngu si không biết gì về Phật lý, ẩn núp trong giáo pháp của ta, chuyên lấy việc truyền thọ làm tông, vọng nói sáu môn thấy tánh, chỉ ra sắc thân bốn đại cho là thân Phật, tự lập ba mươi sáu quan hệ, bảy mươi hai niềm tin làm trung gian cho những việc kỳ quái, làm mê lầm người lành. Cho rằng bên này động vào xác thịt của một người nào đó thì bên kia sẽ đau đớn một sự việc nào đó. Lành dữ, họa phúc nói là biết trước. Người ngu nghe được sẽ cho rằng Phật pháp linh cảm, nên thán phục, tin sâu, liền bố thí cúng dường, truyền đạt lời nói sai trái này. Ghi nhớ vào tâm không hề tạm bỏ. Đặc biệt không biết nhất chân Phật tánh thanh tịnh vắng lặng. Vì có vọng thân nên có vọng thức, vì che mất bản tánh nên không thấy ánh sáng. Một niệm tâm trống không gọi là ngộ đạo. Nên kinh Lăng-nghiêm nói rằng: thấy biết mà chấp thấy biết tức là gốc vô minh, thấy biết mà không chấp thấy biết, đó là Niết-bàn. Cho nên Tổ sư lập giáo chỉ lấy Tam-muội niệm Phật làm chánh tông, không hề có mảy may thật pháp trói buộc nơi con người. Mong đợi gì kẻ tục ngu si mê muội tông chỉ, bỏ trung, hiểu không thực hành, xa lìa nhân nghĩa không chịu tu tập, nương vào danh nghĩa Liên tông, thực hành pháp sai biệt, tham cầu sự thâm cảm ứng, dùng những việc quái gỡ mê hoặc con người, lại có tà ma vọng lượng gần gũi thân con người, nhiễu loạn chánh tín, tất cả đều bị ma nhiếp phục, thật đáng thương xót thay!

Người tu Tịnh nghiệp phải khéo quan sát bản thân tà chánh, phải cứu xét tâm mình, phân biệt chính xác sự tín thành, luôn nhớ Phật, niệm Phật, nguyện sinh về Tịnh độ, chớ mong cầu nơi khác. Thiền sư Trí Giác Từ Thọ nói: chớ nhỏ mọn (nôn nóng) mà phải tìm tòi những lời Tổ Sư dạy. Khi biết được vô minh thì tự nhiên sẽ sáng tỏ tất cả, rửa sạch

bụi trần, có thể nói là cắt đứt cội nguồn sinh tử. Còn việc được Phật ấn chứng hay không, thì như bẻ lá tìm cành, tôi không biết được.

6. Phá vọng tưởng và nói về tai họa của vọng tưởng.

Chánh pháp của Phật tổ lấy bản tánh Di-đà làm thể, tín nguyện niệm Phật làm tông, tự lợi lợi tha làm dụng. Bởi vậy cách ngôn của Phật người đời sau đều noi theo. Hễ nói “Phật sự âm thanh”, thấp sáng đạo tràng là pháp môn phương tiện, dùng nó làm phương tiện dẫn dắt chúng sinh trở về sự thật. Nhưng người học đời sau này quên mất tông chỉ, tham đắm sự tướng, không vâng theo giáo điển (kinh sách Phật), hướng ra bên ngoài vọng cho là tâm. Mắt tâm chưa sáng tranh nhau xưng là Sư trưởng, thật là một việc làm tệ hại trong pháp môn! Có người sưu tầm những bí quyết xảo quyết giống như ông đồng bà bóng, có người xưng là Di-lặc hạ sinh, có người nói các vị trời gần gũi bên mình, có người nhìn theo ánh sáng đèn đuốc nói thấy thần, thấy ma. Có người nhìn khói nhang đoán lành dữ v.v... họ khinh Hiền lừa Thánh, dối gạt Diêm-lư (la), mong cầu lợi dưỡng. Nhưng đến khi có người hỏi về hạnh nguyện bình thường thì ngậm miệng không nói được. Bản tánh Di-đà không biết tăm tích, não loạn một đời, tất cả chỉ là dối trá, dối gạt người, mà cũng tự dối gạt mình. Thật đáng thương xót biết bao!

Kinh Lăng-nghiêm ghi: “Này người Thiện nam! Nếu tâm thích huyền ứng, thì lúc ấy thiên ma tìm dịp làm hại, bay đến gá vào người này. Khiến họ miệng nói kinh pháp nhưng lại để lộ việc người, không tránh được sự chê cười. Miệng nói hay chưa hẳn là như thế, khi họa phước đến thì lúc ấy mảy may không mất. Người này ngu si mê cho là được Bồ-tát gần gũi cúng dường. Như thế là phá luật nghi của Phật, ẩn núp làm những việc do lòng tham muốn. Đây gọi là yêu tinh nhiều kiếp đại lực, quỷ thần, già hóa thành ma não loạn người này. Họ không biết mình đang là ma, lại cho là chứng Thánh, tâm sinh nhàm chán muốn bỏ thân người. Nên thầy và đệ tử đều gặp nạn vua.

Ông nên giác ngộ trước để tránh khỏi luân hồi, còn nếu mê hoặc không biết sẽ đọa vào địa ngục Vô gián.

Than ôi! Người lành mới phát tâm không biết chân nguy, tin theo tà thuyết kia, không lo tu tâm tích đức, lại vọng tưởng cầu phước, nên gặp phải sai lầm này. Tôi nghe nhà nào làm nhiều điều lành thì có nhiều niềm vui, nhà nào chứa nhóm điều ác thì sẽ có nhiều tai ương. Nên biết lành dữ, họa phước đều do tâm chúng ta. Làm sao có thể dối trá cầu phú quý mà tránh khỏi họa hại được?

Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: Ác từ tâm sinh, như sắt rỉ sét

tự hủy hoại tính chất của nó. Thiện từ tánh sinh, như châu báu hiện ra ánh sáng, trở lại chiếu soi thể của nó. Cho nên tôi khuyên các thiện nhân khi khởi tâm thực hành, phải chọn đạo mà tu, chọn lễ mà theo, phải chọn bạn mà chơi, chọn lý mà xử sự, chọn thầy để tôn thờ, thận trọng giữ tâm, cẩn thận thủ tiết, dốc lòng niệm Phật không mê muội thì không mất đạo thuận với trời đất. Vâng theo giáo lý, Tây phương, nhờ đó quán sát, thấy rõ họa phước.

7. Nói về chấp không.

“Không” là phá các “Cò”. Đấng Đại giác Thế Tôn khai thị chánh pháp, muốn cho tất cả mọi người biết muôn pháp trên thế gian này đều không, để tự ngộ bản tánh chân không. Chân không ấy chính là pháp giới Như Lai. Bản tâm chúng sinh không mà chẳng phải không, có mà chẳng phải có. Người ngộ rồi ở trong “không có” mà vận xuất ra kho báu của nhà mình, tham cứu nó, sử dụng nó không cùng tận. Gọi đó là Nhất thừa diệu đạo, chẳng phải là “không” của không ngộ, ngày nay có hạng người ngu si, một bề nói không, bác không có nhân quả. Việc làm thì trong “có” mà miệng lại nói không, lại cho rằng uống rượu ăn thịt không chướng ngại Bồ-đề, ăn trộm dâm dật không ngại Bát-nhã. Buông lung ngang dọc chạy theo sự điên cuồng, hủy báng Phật, chê bai kinh, khinh thường tất cả, ăn nói bừa bãi, náo loạn khắp nơi, lấy đó làm tông thừa, khinh khi Thánh hiền, tự xưng đắc đạo. Người như vậy, nhiều không thể kể xiết, đều là những người mà Ngài Vĩnh Gia gọi là mở rộng lý “không” để bài bác nhân quả, sẽ chịu lấy tai ương vô bờ bến, chẳng phải loại này hay sao?

Kinh Lăng-nghiêm ghi: “Nếu tâm chấp không thì có sức mạnh của ma Không nhập vào tâm mình”. Người này không biết mình là ma. Miệng nói kinh pháp nhưng len lút làm những việc tham dục, khinh hủy kinh lượng, mê hoặc người khác, đều gặp phải tà ma, tâm sinh nhàm chán, muốn bỏ thân người, thầy và trò đều mắc họa lớn, khi chết tự mình trở thành quyến thuộc của ma, thọ nghiệp ma rồi lại đọa vào địa ngục Vô gián.

Than ôi! Đời này cách xa bậc Thánh, những lời hay đẹp không còn. Các tà thuyết dị đoan nêu lên đại nghĩa sai trái, không chấp trước có, thì chấp trước không. Chấp trước có là chấp vào danh tướng, dính mắc hữu vi, chấp chặt mình người, câu nệ oán thân, ràng buộc giáo gần làm mất lý xa. Chấp trước không thì không biết nhân quả không phân biệt thiện ác, vứt bỏ giới luật, đi ngược lại lễ nghĩa. Bởi vì họ không biết Trung đạo là tốt đẹp nhất.

Có người hỏi: Thế nào là trung đạo?

Đáp: Không chấp có, không chấp không, không chẳng lìa hữu, hữu chẳng lìa không, oán thân bình đẳng, ta người như nhau, nhân quả rõ ràng, thiện ác phân minh, hành trì giới luật, tu tập lễ nghĩa, giáo gần thông suốt, lý xa thấu triệt. Đó là trung đạo. Trung đạo cũng gọi là làm đẹp muôn vật, xứng với nghĩa của bản tính. Nếu thông đạt lý này thì không rơi vào thiên chấp. Ấy gọi là người đắc Chánh thọ niệm Phật Tam-muội.

8. Nói về Nhất hợp tướng.

Kinh Kim cang ghi: “Như Lai nói Nhất hợp tướng tức chẳng phải Nhất hợp tướng, ấy là Nhất hợp tướng.” Bởi vì người đời một tánh hôn mê thì hợp với tướng trần cảnh, tức chẳng phải Nhất hợp tướng. Người trí thấy rõ chân tâm của mình, quay lưng với trần cảnh, hợp với đạo giác ngộ. Một niệm tỉnh giác hợp với chân như pháp giới của chư Phật mười phương, tức là lý Nhất hợp tướng. Ngài Vĩnh Gia nói: “Bản tánh của ta hợp với Như Lai, chỉ vì phàm phu không ngộ được lý này, tham đắm vào sự tướng, chấp chặt tâm mình, ý thức hợp với núi sông, đất đai, tường vách, gạch ngói, làm cho mê muội, trái với lý tánh chân không tức là sai trái.” Lục Tổ nói: “Tâm có chỗ đắc tức chẳng phải Nhất hợp tướng, tâm không có chỗ đắc chính là Nhất hợp tướng.”

Ngày nay có người ngu si, không biết Phật pháp ở trong giáo pháp của ta, vọng nói vợ chồng là Nhất hợp tướng. Thật là một sai lầm lớn! Bởi vì khi tình sinh thì trí không còn, suy nghĩ đổi thay thì thể cũng khác, nghiệp buộc họa kéo, phủ nhận nhân quả, giải thích Thánh điển lại quanh co, hủy nhục giáo môn. Chánh tông Tịnh nghiệp đâu có dung chứa thuyết này? Người tu hành chân thật, trộm nghĩ nên giữ vững chánh tín, chuyên niệm Phật A-di-đà. Ở trong một niệm, không chấp vào tướng nội tâm, ngoại cảnh rõ ràng nhất như, tự nhiên thâm hợp với chân lý. Cho nên Thiền sư Phật Quả Khắc Cần dạy chúng rằng: “Các ông mỗi người hãy chuyên chú trong mười hai thời, trên không thấy có chư Phật, dưới không thấy có chúng sinh, ngoài không thấy có núi sông đất đai, trong không thấy có thấy, nghe, hay biết, đẹp, xấu, dài ngắn. Tất cả thành một khối, rồi mỗi mỗi lấy ra, hoàn toàn không có dị kiến. Đây là lý Nhất hợp tướng rõ ràng sáng suốt.” Có thể nói rằng: “Mặt trời có thể lạnh đi, mặt trăng có thể nóng lên, nhưng các ma không thể phá hoại được chân thuyết. Nếu thực sự đi trên con đường lớn của Đạo thì ngộ được chánh quyết của Tông.”

9. Nói về Song tu.

Song tu là tu phước và tu tuệ. Trong kinh ghi: Tu phước không tu tuệ giống như thân đeo chuỗi anh lạc, tu tuệ không tu phước như thành A-la-hán nhưng ít được cúng dường. Phước tuệ trang nghiêm sẽ thành Chánh giác.

Người xưa nói: Phước không thể không làm, tuệ không thể không học.

Ngài Long Thư nói: Người tu Tịnh độ, tuy chuyên dùng pháp môn niệm Phật làm hạnh môn, nhưng cần phải phước tuệ song tu, ngõ hầu được sự lý viên dung. Bên trong thì tu phước là tu dưỡng rất ráo, thấu triệt cội nguồn, khiến cho tánh tuệ rộng lớn, trùm khắp thế giới hư không, không có gì không biết, không nơi nào không chiếu sáng. Bên ngoài thì tu phước, từ bi, phương tiện, nhu hòa, khéo léo lợi lạc, cứu độ chúng sinh. Xem tất cả mọi người bình đẳng, cung kính; tùy căn cơ nói pháp, giáo hóa chúng sinh, thật hành tất cả các thiện pháp. Đây là phước tuệ song tu.

Ngày nay có hạng người ngu si, thường thực hành các giáo pháp khác, giả vờ xưng là đệ tử của Liên tông (tông Tịnh độ), vọng chỉ ra song tu, che giấu làm những việc thông dâm dơ uest, tạo nghiệp địa ngục, làm mê hoặc người lành, chìm đắm trong dục lạc, cam chịu rơi vào chỗ hiểm nguy. Há chẳng phải là sai lầm sao? Đây chính là Hồ my, Yêu tinh, khác gì loài súc sinh.

Kinh Lăng-nghiêm ghi: “Nếu các chúng sinh tâm không dâm dục thì không rơi vào sinh tử”. Ông tu Tam-muội là muốn ra khỏi trần lao, nhưng tâm dâm không dứt bỏ thì không thể ra khỏi trần lao, dù có trí tuệ thông minh cũng rơi vào đường ma, thượng phẩm thì làm ma vương, trung phẩm thì làm dân ma, hạ phẩm thì làm nữ ma. Người tu hành trước phải dứt tâm dâm dục, ấy gọi là lời dạy quyết định thanh tịnh bậc nhất của Như Lai Phật Thế Tôn. Nếu không dứt dâm dục mà tu đạo Bồ-đề thì như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn kiếp rồi cuộc không thể gọi là cơm được! Ông dùng thân dâm dục mà cầu quả mầu của Phật thì dù được diệu ngộ cũng đều là cội gốc của dâm dục. Cội gốc đã thành dâm thì trôi lăn trong ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) không thể nào ra khỏi.

Niết-bàn của Như Lai, do con đường nào tu chứng? Do đó ắt phải khiến cho máy dâm của thân-tâm đều dứt trừ, tánh dứt trừ cũng không thì hy vọng đến được quả Bồ-đề của Phật. Đúng như lời ta nói gọi là Phật nói không giống như lời này là ma Ba-tuần nói. Vì thế, nay khuyên các Bồ-tát tại gia nên nương giới luật để tu trì, chớ phạm sai trái, tâm

phải trong sáng, ít ham muốn, song tu phước tuệ, hồi hướng Tây phương. Ngài Long Thư nói: Tu phước lại tu tuệ, tin sâu niệm Phật Di-đà sẽ sinh phẩm thượng thượng (thượng phẩm thượng sinh), chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa! Bằng không thì muốn có cơm lại nấu cát chỉ uống phí công lao, gánh củi vào lửa chắc chắn thân gặp tai ương.

10. Nói về Ba xe.

Phẩm “Thí dụ” trong kinh Pháp Hoa ghi: “Nếu có chúng sinh theo Phật nghe pháp tin nhận, ân cần tinh tấn cầu trí nhất thiết, trí Phật, trí tự nhiên, trí vô sư. Như các người con kia vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa”.

Nên biết các người con dụ cho chúng sinh, ba cỡi dụ cho nhà lửa, Tam Thừa dụ cho ba xe. Như Lai thấy chúng sinh trong ba cỡi, không được giải thoát nên Ngài nói pháp Tam Thừa dẫn dắt giúp cho họ lìa khổ. Như các người con ở trong nhà lửa vui chơi, Trưởng giả dùng ba xe dụ dỗ họ, khiến cho họ ra khỏi nhà lửa.

Nay có hạng người ngu si, giả thuyết Văn-thù hỏi Phật, vọng xưng tánh là xe trâu, tâm là xe dê, ý là xe hươu. Lại nói xe trâu chở pháp mầu, xe dê chở hoa sen, xe hươu chở kinh. Cái gọi là đề hồ thượng vị được người đời xem là cao quý, gặp những người này biến thành thuốc độc.

Kinh Pháp Hoa đứng đầu trong các pháp, được Phật che chở, có thể vọng bàn được ư! Các tà sư mê lầm cho phải là trái, cho trái là phải, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp. Vì thế đối gạt người đời, khinh chê cả Phật, hủy báng cả pháp. Há chẳng phải là phạm tội ngũ nghịch hay sao?

Trong kinh ghi: “Nếu có người phỉ báng kinh điển này sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp, kiếp hết lại đọa vào địa ngục ấy, lần lượt đến vô số kiếp, thoát khỏi địa ngục lại đọa làm súc sinh”. Vì hủy báng kinh này nên mắc phải tội như vậy, suy nghĩ kỹ những việc này thật đáng thương thay! Với tất cả tấm lòng, xin đem những lời nói thành thật thông báo với các bạn đạo. Ở trong tâm mình, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, thì tâm này thanh tịnh như hoa sen mới nở. Đó gọi là Tam-muội Pháp Hoa. Người ngộ được lý này,ngồi xe trâu trắng ra khỏi nhà lửa ba cỡi. Lại không thấy Thiên sư Pháp Đạt gặp Lục tổ Đại sư. Trình kệ rằng:

*Tụng kinh ba ngàn bộ
Một câu Tào Khê quên
Không rõ ý xuất thế*

Đâu hết lụy sinh cuồng.

Xe dê, xe hưu, xe trâu chỉ là phương tiện đặt ra, chỉ cho ba giai đoạn: đầu, giữa và sau. Ai biết được trong nhà lửa vốn là đứng đầu các pháp. Vì thế Tào Khê Lục tổ Đại sư mới nói kệ chứng minh điều này rằng:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu không tiến được
Làm kẻ thù với nghĩa
Vô niệm, niệm là chánh
Hữu niệm niệm là tà
Nếu hiểu được như vậy
Luôn ngồi xe trâu trắng.*

Nếu có người mê đắm, không tỉnh thức được, tự mình cam chịu đắm chìm thì tôi không biết phải làm thế nào?

11. Nói về ba quan (ả)

Thiền sư Đâu-suất Duyệt dạy chúng ba ả là:

1. Trừ sạch cỏ tham luyến, chỉ cầu thấy tánh, nay tánh thượng nhân ở chỗ nào?
2. Biết được bốn tánh, phải thoát khỏi sinh tử, sinh tử đến thì làm sao thoát?
3. Thoát được sinh tử, phải biết chỗ đi. Nhưng bốn đại rã rời thì đi về đâu?

Vì thế, người xuyên suốt các ả này, đâu còn bó buộc trong sinh tử? Người thấu triệt đạo này há ngăn ngại đến đi?

Là bậc Đại sư tôn túc trong chốn tông lâm, khắp thiên hạ không gì không thông suốt, phải nghiên cứu tận cội nguồn, cho nên thoát được, yếu chỉ thanh tịnh, rõ ràng, quyết không có dị thuyết. Nay có người ngu si vọng cho ba đốn điền trong thân người là ba quan bên trong, dạy người vận chuyển khí huyết, gọi đó là thấu suốt ba quan. Lại nói từ chân đến hông (eo), ba chỗ đau đớn là ba quan bên ngoài. Vọng cho chỗ này quyết định lúc qua đời. Người đời phần nhiều truyền nhau thành thói quen, tất cả sa vào đường tà. Quan sát kỹ pháp môn niệm Phật chính là pháp môn nhanh gọn, chỉ khiến cho người tu hành trong mười hai thời trừ một câu A-di-đà Phật. Suy nghĩ vắng lặng có công năng xoay lại chính mình, tự xem đâu là bản tánh Di-đà của ta, khi bốn đại rã rời thì đi về đâu, thường có điều nghi này, bỗng nhiên hiểu được liền biết chỗ đến. Đây là đường thẳng tắt nhanh chóng, ít tốn công sức để tu hành chánh đạo, ngoài điều này ra nếu hơi có một chút dị thuyết,

tức là rơi vào rừng tà kiến.

Than ôi! Người ngu bỏ chân theo ngụy, thật đáng thương thay!

Nếu ở đây tin được, thì sẽ cắt đứt đường rối rắm chằng chịt, mở con mắt nhìn thấu suốt trời đất thấy rõ tâm suy nghĩ tà vạy và vọng tưởng.

12. Nói về Tiểu thừa và Đại thừa.

Nói về các thừa giáo hóa của Đại pháp vương bao gồm nhiều phẩm loại, mỗi loại đều có tiểu luật, tương đương với quyền của lễ hình, Đại thừa giống như trách nhiệm cân bằng cầu phước như phụ trách về phần vận chuyển. Chế soạn như nắm vững những lời nói của vua. Trong “bách sử hàm tu” của quốc gia, các tông phái của ta cùng nhau giảng nói, nếu rõ được yếu chỉ này thì lẽ nào chấp vào dị đoan? Phải nên tự lượng mới có thể, tùy khả năng giảng nói, đạt thì cứu giúp là tốt đẹp, cùng tốt thì chuyên môn là thích hợp. Tuy mỗi thứ truyền bá về mỗi tông dụ, nhưng đều có mục đích là từ bi cứu giúp chúng sinh, cùng trở về biển hòa hợp, cùng ngồi giường giải thoát. Như vậy tức là kim chỉ nam của đường mê, cái mồi của giáo môn, đạo lớn thấm nhuần khắp nơi được nào ngại gì xa nguồn chia nhánh?

Người thích màu đỏ thì ghét màu trắng, người thích vị ngọt thì ghét vị đắng. Chưa khế hợp với Viên tông thì phải y cứ vào phương tiện. Lại, lẽ nào biết chúng sinh và Phật vốn là một tánh Phạm Thánh đồng nhưng không thể tự mình phục hồi là vì do mê mờ đối với thân tâm, đến nỗi phải luẩn quẩn trong vòng sinh tử. Cho nên biết lỗi ác của thân, nếu chẳng phải giới luật thì không thể xem xét được hôn mê tán loạn của tâm, không phải định tuệ thì không thể làm cho dung hòa được. Xem xét nó, dung hòa nó mà vẫn còn suy nghĩ thì đạo chưa sáng, tánh chưa ngộ. Huống chi bị chôn chặt trong đường tà mà nói phải trái với nhau sao?

Có người nói: “Tôi tu Tiểu thừa” nhưng lại không biết thực bố trí thì, lễ bái tụng kinh là pháp tiệm tu. Hoặc nói: “Tôi tu Thượng thừa” nhưng lại không biết yếu chỉ “bản tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ”, không chấp sự tướng lại rơi vào không ngơ. Thật giống như người mù bẩm sinh sống nơi thôn dã, chỉ ngồi một xó, không biết Đông-Tây-Nam-Bắc, lại vọng sinh phân biệt phải trái trái trái phải phải. Cái gọi là chấp trước là như đầu rắn chết, người sai đường, ở nơi dơ xấu không lìa được; đối với hành giải không thấy đáng sợ, cho đến chứa nhóm thành tánh, tự hủy diệt bản thân mình. Ban đầu học thì kính mến người hiền, cuối cùng lại bị chìm đắm vào chỗ người ác. Những hạng người như vậy

thật đáng thương thay!

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: “Thí như chim sẻ trong sân lại duyên theo tâm hạc trời. Lại như ếch ngồi đáy giếng, làm sao lường được sự rộng lớn của biển ư? Hoặc tìm cầu ở người khác, giống như dùi bằng tìm lửa, hoặc trở về tìm hiểu chính mình, như từ sữa sinh bơ. Chớ dựng cờ ngã mạn, giăng lưới tà kiến, khinh lờn bậc Tiên giác (Phật), mê hoặc người sau. Những lời này rõ ràng như mặt trời trên cao, bát ngát thay Phật tổ thường có linh hiển, người vâng giữ giáo pháp lẽ nào không sợ hay sao? Nếu biết tin niệm Phật Di-đà thì sẽ thoát khỏi tội lỗi này.

13. Nói về bất sinh bất diệt.

Bát-nhã Tâm Kinh ghi: tướng không của các pháp này không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong tướng không đó không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức v.v...

Lại kinh Duy-ma ghi: Pháp ác không sinh, thiện pháp không diệt. Nên biết sắc tướng có đến, có đi, nhưng Phật tánh không sinh không diệt.

Ngày nay có hạng ngu si, vọng cho rằng không sinh con nối dõi là bất sinh, không dứt dục tâm là bất diệt, quấy nhiễu thế gian, dùng lời quái gở mê hoặc con người, lén cùng nhau làm hạnh bất tịnh. Vì thế dứt mất chủng tánh Phật, trái với nhân luân. Nên kinh Lăng-nghiêm ghi: “Này thiện nam! Ái dục mạnh phát sinh cuồng điên, tham dục hừng hực thì có ma dục nhập vào tâm mình, nên một bề nói dục là đạo Bồ-đề, giáo hóa người tại gia bình đẳng hành dục, làm mê hoặc chúng sinh, rơi vào ngục Vô gián. Bởi vì ngu si không biết dơ sạch, không biết gặp phải ma, đến nỗi phải chịu nỗi khổ này. Xem kỹ sự phân chia ban đầu của trời đất có âm dương, rồi có nam nữ, có nam nữ thì có vợ chồng, có vợ chồng thì có cha con, có cha con thì có vua tôi, có vua tôi thì có đạo “Ba cương năm thường”. Ba cương bao gồm nhân luân, năm thường chính là sự giáo hóa ấy, đây là pháp mà bậc Thánh này lập ra thế gian.

Tổ Tuệ Viễn có nói: Người tại gia coi trọng việc thân thể sống còn. Nhưng lại không quên lấy tình dục làm vườn, lấy thanh sắc làm chỗ xem chơi, đam mê lạc thú thế gian, không thể ra khỏi. Đức Phật chỉ dạy khiến chúng ta trở về nguồn gốc để tìm tông. Tại gia phụng thờ Phật pháp là một người dân thuận hòa, mà không đánh mất lễ nghi nuôi dưỡng cha mẹ, kính trọng vua tôi. Cho nên hướng dẫn họ đầu tiên thực hành năm giới, không sát sinh thì có nhân từ, không trộm cắp thì có lễ nghĩa, không tà dâm thì có lễ giáo, không nói dối thì có niềm tin, không

uống rượu thì có trí tuệ. Thân tâm đã theo giới luật, sau đó dạy người pháp xuất thế, khiến tu Tam-muội niêm Phật, để sinh về Tây phương, đạt đến đạo bất sinh bất diệt. Cho nên vua quan ngoại hộ, Phật pháp lưu thông trong thiên hạ, ngàn năm như một ngày. Lại đương trong lúc này có thơm hôi cùng vườn, cỏ lúa cùng ruộng, không dễ gì phân biệt được. Tôi xin đem tấm lòng thành, nói với tất cả tín sĩ rằng: “Chỉ trừ nhất tâm bất loạn, hệ niêm Di-đà, còn tất cả tướng đều là tà giải, phải hết sức cẩn thận.” Người tu hành chân chánh thiện thì theo, ác thì xa, tà dứt bỏ, chánh giữ gìn. Nếu việc lập thân tu hành với yếu chỉ dứt tâm đạt bốn, ở bài trước có nói đầy đủ, trình bày rõ ràng, không phải không nhiều. Theo đây mà thực hành, thì là quyến thuộc của chúng ta, nếu làm ngược lại là bè đảng với ma. Cho nên khi sống gặp phải pháp vua, chết đọa vào địa ngục A-tỳ, tai ương nhiều đời nhiều kiếp. Chớ nói rằng đã không nói, vì sao? Vì muốn không chiêu cảm nghiệp Vô gián, thì đừng hủy báng bánh xe chánh pháp của Như Lai?

14. Nói về con đường Tào Khê.

Thuở xưa, Đại sư Vĩnh Gia đến Tào Khê lễ bái Lục tổ, được Lục tổ ấn chứng tâm địa. Ngài soạn “Chứng Đạo Ca”, Ngài nói: Từ khi nhận được con đường Tào Khê, thì biết rõ sinh tử không liên can. Vì thế Thiên tông trong thiên hạ bắt nguồn từ Tào Khê, gọi đó là đường Tào Khê.

Vì sao người ngu vọng chỉ thân người có nách, và xương sống cùng mở thành một phái Tào Khê. Lại vọng thuyết Lục Tổ nói: “Thà độ người tại gia hàng ngàn muôn, chứ không độ một nửa vị Tăng ở cửa không.” Những người như thế chẳng những mê hoặc người đời sau mà còn vu oan cho bậc Tiên Thánh. Há không nghe Ngài Vĩnh Gia nói, Tổ thứ nhất là Ngài Ca-diếp, người đầu tiên truyền đăng cho hai mươi tám vị tổ Tây thiên, đã vào đất này, Bồ-đề-đạt-ma là sơ Tổ, sáu đời truyền thừa y bát, người sau đắc đạo trong thiên hạ rất nhiều. Lẽ nào nói độ người tại gia mà không độ tăng sĩ?

Đối với bọn tà vạy, không biết gì về sự truyền thừa, trộm lấy tên Phật Tổ, cùng với kiến giải vọng lượng, yêu nghiệt làm mê hoặc người hiền. Đúng là một người mù dắt đám mù đi vào hầm lửa. Tôi biết thật đức của Tổ tông, vì thế nêu lên và truyền bá, tôi biết Xiển-đề phước mỏng, hủy nhục tông phái của mình, vì thế vừa lo vừa sợ. Tôi vẫn biết, và rất sợ các ông hủy báng đạo của Thánh sư (Phật), lừa dối kẻ hậu học, làm sao tôi không lo sợ được? Các ông phải mau trừ bỏ, bỏ tà về chánh, không nên để ta phải xấu hổ hơn.

15. Nói về ẩn tạng của Phật pháp.

Phật pháp là đạo Xuất thế gian, là pháp vô vi. Kinh Niết-bàn ghi: “Như Lai mở bày, hiển lộ pháp thanh tịnh không che giấu. Người mê không rõ cho là bí tạng, người trí thông đạt không gọi là Tạng.” Thế mà có những người ngu si vọng nói pháp quan thì rõ ràng phân minh, còn pháp Phật thì ẩn giấu; giả dối bịa ra những lời sai trái, đóng cửa truyền trao, gọi đây là chỗ sâu kín của sinh tử, làm mê hoặc người sau. Đến chết không nói cho người nghe. Đợi đến lúc sắp qua đời thì hoàn toàn không lợi ích, rất giống đứa bé nghèo nàn được cục sắt cho là vàng ròng, đem đến trước người mắt sáng thì làm sao lấy ra? Tự thân không biết là sai, ngược lại nói dối có thể lãnh hội. Đây chính là lừa dối người, cũng là tự lừa dối mình. Huống chi biết Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm. Bởi vì tâm thể chúng sinh vốn là một, chỗ dùng không giống nhau, nên nói tất cả pháp. Tổ Sư nói: “Bình, mâm, thoa, vòng vốn cùng là một thứ vàng, nói về tướng thì khác nhau, nhưng thể chỉ là một. Than ôi! Thời mạt pháp sinh ra lắm sự gian dối, số người thường hay mất đi bản thể của mình rất nhiều. Đây là bồi nước sơn Tân-la lên đồng của Cao ly, dùng lời khéo léo, và màu sắc làm mê muội người đời. Một việc sai trái đã làm thì trăm việc chân thật không biện minh được, huống chi người thích lợi nhỏ. Bậc thượng nhân mua chiếu không chọn đẹp xấu, vì nếu muốn giá rẻ mà đẹp thì dễ bị người khác trét một nắm tro vào mắt mình, kéo vào trong nơi tối tăm, lúc thoát ra và mở mắt thì dù lấy tay nắm đất màu vàng, cũng không nhận ra, thì làm sao phân biệt vàng thau được?

Người ngu được đồng vào tay thì thầm trân trọng giữ gìn, cho là vật hiếm có, rất sợ người khác bỗng nhiên lấy được, có người hiểu biết chỉ bày cho hắn, mới biết nó chẳng đáng xu nào. Người như vậy ở đâu cũng có. Chỉ vì họ ngu si, phước mỏng có mắt mà không trông, cầu thả lỗ mãng, vì thế không gặp được bậc thầy chân chánh, đến nỗi phải như vậy. Thật không ngờ vàng ròng vốn có xưa nay chẳng phải do thợ luyện thành, một phen đau lòng vì kèm búa trải qua một thời gian mới thấy tánh mềm mại óng ánh được, một khối sáng rực một thể toàn chân, sau đó tùy ý mình tạo thành những đồ dùng, ánh sáng chói lợi tâm mắt con người, mãi mãi không đổi màu; vốn biết ngoài nó ra đều không đáng nói, chẳng phải là vật chí bảo sao?

Người xuất gia chánh tín nên phải xem xét.

16. Nói về ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Kinh Đại Di-đà ghi: Ánh sáng của Phật A-di-đà rất rực rỡ, đứng

đầu trong tất cả ánh sáng của chư Phật. Nên gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Quang Diệm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoan Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xứng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Vì thế ánh sáng của Ngài chiếu soi vô số chỗ tối tăm trong thiên hạ, đều được sáng tỏ. Chư thiên, nhân dân, chim, thú, bò bay máy cửa thấy ánh sáng này, không ai không vui mừng mà sinh tâm từ, tất cả đều được giải thoát. Cho nên chư Phật mười phương, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn tất cả đều xưng tán. Vì thế gọi là Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bởi vì mặt trời soi chiếu ban ngày, mặt trăng soi chiếu ban đêm, công đức ấy không hoàn toàn bằng ánh sáng của Phật chiếu suốt ngày đêm không thiếu sót, nên gọi là ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng.

Nay có hạng người ngu si vọng chỉ dạy người lúc mặt trời, mặt trăng mới mọc, dùng miệng hút ánh sáng ấy vào bụng, muốn nó thành vật quý báu để tu hành bí pháp. Gọi đó là ánh sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Thật là quá sai lầm! Giống như trên vách đá cheo leo vượn ngu tay luôn chuyên càn, như người mò trăng đáy nước, thật nhọc tâm tốn sức, rốt cuộc không được gì. Nếu người trí quán chiếu thông đạt phải mau lìa bỏ, sớm cầu chánh pháp, khỏi đọa bờ mê, chuyên niệm Phật Di-đà, cứu xét rõ ràng tâm địa. Há không thấy đạo của Tổ sư, người theo nhập môn không phải là gia đình giàu có, nhưng linh quang của mình chiếu sáng khắp thiên hạ. Bản tánh của mỗi người vốn tự tròn đầy. Một điểm linh quang không ở trong, không ở ngoài, mỗi người đều rõ ràng sáng suốt. Nếu ngộ được điều này tức là được một luồng ánh sáng rực rỡ hơn mặt trời, mặt trăng của Như Lai.

17. Nói về hạt châu trong búi tóc.

Về hạt châu trong búi tóc, kinh Pháp Hoa ghi: “Như vua Chuyển Luân được làm khuôn phép cho các cõi nước, làm vua trong ba cõi. Nhưng các vua nhỏ không chịu hàng phục. Bấy giờ, vua Chuyển Luân dấy binh qua đánh dẹp. Những người đánh giặc có công, vua ban thưởng đủ các vật, chỉ riêng hạt châu này trên đánh vua thì không cho, sau cùng mới cho. Như Lai cũng giống như vậy, thấy quân hiền Thánh đánh nhau với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết, diệt được ba độc, ra khỏi ba cõi, phá được lưới ma. Bấy giờ, Như Lai cũng rất vui mừng, nói cho họ nghe các pháp nhưng chưa nói cho họ nghe kinh Pháp Hoa này. Nay mới nói kinh Pháp Hoa, như vua Chuyển Luân từ lâu giữ gìn viên minh châu, sau cùng mới ban cho.” Đó là vì Đức Thế Tôn sau cùng nói pháp

báu Đại thừa này, siêu xuất trên các bậc Thánh. Lấy châu trong búi tóc luân vương làm thí dụ. Châu này là trí tròn đầy của chư Phật, là lý tánh của chúng sinh. Ngộ điều này thì Tam-kỳ mau vượt qua, còn mê thì chìm đắm trong sáu đường. Nay có hạng người ngu si hiểu sai yếu chỉ của kinh, vọng lấy vận khí nhập vào đỉnh làm hạt châu trong búi tóc, gọi đó là pháp tối thượng thừa, thầm truyền bá khắp nơi, dạy người vận chuyển tinh khí xung nhập vào đỉnh đầu. Phải học trên đỉnh Đức Thế Tôn có hạt châu trong nhục kế. Vì sao? Vì người ngu không ngờ nhục kế của Thế Tôn là vô kiến, Đảnh tướng biểu thị cho đại pháp Nhất thừa. Vô kiến là tự mình không thể thấy vì lìa sự tự thấy, hưởng thượng đến chỗ cùng cực thì các Thánh đều không thấy được, vì lìa cái thấy khác. Thiên sư Thọ có bài tâm phú ghi: Pháp tòa cao cao hàng Thanh văn thấp kém chẳng thể lên được. Mặt trời chói sáng lẽ nào ngoại đạo trẻ em thấy được, vô thiên, vô đảng, chí cực, chí tôn. Than ôi! Người ngu không hiểu chánh pháp, điên đảo mê lầm, gieo họa gây ương cho người đời sau. Lừa bịp người khác hưởng thiện, tự mình rơi xuống hố sâu, thật đáng tiếc thay! Vì vậy xin khuyên các tín sĩ phải cẩn thận tham cứu chánh giáo. Tâm cung kính niệm Phật, ăn năn những sai lầm trước, rõ biết các pháp vốn không, thì hạt ngọc trong búi tóc tự nhiên hiển hiện, phơi bày rõ ràng, lẽ nào tìm cầu ở bên ngoài?

18. Nói về quả Vô lậu.

Kinh Pháp Hoa ghi: “Các lậu đã hết, không còn phiền não.” Đây là sự tu hành của bậc Thanh văn La-hán đến chỗ tập-lậu đều không.

Vô lậu: Bởi vì lục căn của con người thường bị lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mê hoặc. Tâm nương theo cảnh chuyển thành duyên hữu lậu, vì thế luân hồi mãi mãi. Người tu hành thì lục căn tự thanh tịnh, không bị lục trần lôi cuốn, tức là vô lậu.

Nay có người ngu si vọng cho rằng ghen, nước mũi, nước mắt chảy đều ăn được, gọi đó là tu vô lậu. Vì sao ngu xuẩn như vậy? Tôi rất thương xót, hỏi họ rằng: Lục căn, bốn đại là bao đựng máu mủ, túi đựng phân tiểu. Nước mắt, nước mũi đều là bất tịnh làm sao ăn được?

Người ấy đáp: Trong thân có bảy báu, không thể bỏ đi, nếu khéo thân tập sẽ kết tinh thành xá-lợi, chứng vô lậu.

Khổ thay! Khổ thay! Điên đảo như vậy mà có thể chịu được chăng? Lại có một hạng chúng sinh cho bí tinh là vô lậu, lẫn lộn trong giáo pháp ta. Truyền lẫn nhau những thói xấu xa, tham dục làm hại chánh pháp. Đây chính là yêu tinh, quỷ tánh, ngày tán đêm tụ ăn uống. Những bọn theo sự ma quái này không phải đệ tử của Liên tông (Tịnh

độ). Gần đây có nhiều loại người như vậy, xúi giục mọi người. Nam, nữ cư sĩ không hiểu biết, hăng hái đi vào đường ma. Nên kinh Lăng-nghiêm ghi: “Này thiện nam! Cội gốc của tâm ái nhìn khắp vật hóa”, Thiên ma được dịp phi tinh đến gần người nói: “Phật Niết-bàn tức là nhục thân hiện tiền, cha cha con con sinh ra lẫn nhau, thường trụ không dứt, không phân biệt tịnh cư”. Người ngu tin nhận, mất đi bốn tâm, nghi ngờ Bồ-tát. Họ thường nói: Mắt tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh độ, hai căn nam nữ tức là Bồ-đề. Hoặc ăn phần tửu, hành dâm dục dơ uế. Người vô tri kia tin theo lời nói dơ uế này, dễ rơi vào đường ma. Đây gọi là trùng độc, quỷ ác não loạn, loại người này thầy và đệ tử đều rơi vào nạn vua. Ông nên tỉnh giác trước để khỏi nhập vào luân hồi; mê hoặc không biết, đọa vào ngục Vô-gián, khi nghiệp ở địa ngục tiêu lại đọa vào súc sinh, ngạ quỷ. Nay thấy bọn tà Sư làm quấy, mượn giáo môn của Phật tổ, tạo ra nghiệp ác bất tịnh, ngược lại với trời đất (nhị nghi), trái với tam quang (mặt trời, mặt trăng, sao), hủy báng Phật tổ, rối loạn nhân luân, hèn hạ như dòi trùng chui rúc chỗ dơ uế, hiện tại chịu nhiều khổ đau, sau khi chết chìm đắm vào biển khổ. Tội quả này làm sao trốn khỏi? Thật không đáng lo sợ ư? Chẳng những sau khi chết chịu quả báo, mà còn không được pháp quan dung tha. Nói rằng: Đạo lý dùng chính sách, xử trị dùng hình phạt để người dân tránh tội mà không hổ thẹn, còn đạo lý dùng đức xử trị, dùng lễ nghi thì có sự hổ thẹn, thật đúng với quy cách. Lời nói này chân thành thay! Nay khuyên những người lành, quán sát kỹ lời dạy của bậc Thánh, nên tự biết xấu hổ, chớ ngại sửa lỗi, bỏ tình dứt nghĩ, sửa đổi sự tu hành của mình, lấy lời dạy xưa để chiếu tâm thì tâm tự sáng, gương xưa chiếu yêu tinh thì yêu tinh tự hiện hình. Nếu chuyên tu tịnh hạnh, hướng về Bồ-đề, thì quyết không sai lầm. Nếu không như vậy thì biến nghiệp ba đường không có bờ mé, ngàn Phật ra đời cũng khó cứu được.

19. Nói về trà Triệu Châu.

Xưa, Hòa thượng Triệu Châu gặp vị Tăng hỏi:

- Ông có đến đây chưa?

Vị Tăng đáp:

- Có đến.

- Uống trà đi!

Hòa thượng lại hỏi vị Tăng:

- Có đến đây chưa?

Tăng đáp:

- Chưa từng đến.

- Uống trà đi!

Viện chủ hỏi:

- Có đến hay chưa từng đến, vì sao vẫn bảo uống trà đi?

Ngài Triệu Châu gọi:

- Viện chủ.

- Dạ.

- Uống trà đi!

Tòng lâm nhân đây có công án “Trà Triệu Châu”.

Nay người ngu không rõ đại ý của Tổ sư, vọng tạo tác nước trong miệng súc ba mươi sáu lần rồi uống. Gọi đó là uống trà Triệu Châu. Hoặc có người lúc sắp qua đời vọng chỉ dạy người dùng bột châu sa thay trà rót vào ly rồi uống hết, liền chết, cho là lãnh hội được điều then chốt của Triệu Châu. Thật đáng thương xót. Có bọn yêu ma lấy nước tiểu làm trà Triệu Châu, tại sao ngu si như vậy? Thế chẳng phải là yêu quái ư?

Người tu tâm chân chánh chỉ y theo bốn phạm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, dè dặt không được vọng đem công án của Tổ sư để bịa đặt, xuyên tạc. Ấy là phạm tội huỷ báng Đại Bát-nhã. Nếu không thấy đạo thì thà thân này bị nghiền nát trải qua ngàn muôn kiếp, chớ đem Phật pháp tuyên dương một cách sai lầm.

20. Nói về truyền riêng ngoài giáo.

Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần nói: Bạc đại Thánh ở Tây phương thị hiện ở nước Ca-duy-la, diệu dụng vô lượng vô biên, gọi mở đầu dắt chúng sinh, dùng nhiều phương tiện thuận, nghịch, khai, già. Ngoài ra, những lời dạy kinh điển để lại chứa đầy kho báu, cho đến về sau mới bắt đầu xuất hiện một điểm then chốt, gọi là truyền riêng ngoài giáo. Kể từ khi Ca-diếp mỉm cười thừa kế pháp tạng đến nay, liên tục chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, không lập thứ bậc, không sinh tri kiến. Bạc lợi căn thượng trí hướng đến hàng ổ vô minh, xét tận cội gốc phiền não, liền siêu chứng được giải thoát hoàn toàn. Tây phương hai mươi tám vị, Đông độ sáu vị đều là bạc long tượng dẫn chân đến. Các Ngài tư chất thù thắng, tính cách cao cường. Bên ngoài am hiểu các sự việc, bên trong nghiệp chướng băng tiêu, cắt đứt các duyên phiền phức, tự làm chủ mình tạo thành một khối, mau khế hợp Phật địa (địa vị Phật). Nếu không chịu chết chìm trong nước, lại nói ra câu thấy được huyền diệu, vượt hơn Phật tổ, chặt đứt sẵn bìm trên đường, như hươu thanh kiếm Thái A, uy thần lâm liệt, người nào dám gần, bạc tác gia xác thật luận bàn về lượng mới có hướng thượng, hướng hạ, nói huyền nói

diệu, tác dụng mảy may, cho dù bị la mắng thì cho là không phải trông cơ (?), ngay đó thành tựu, tôi luyện được thành thực, đứng vững. Ban đầu gây tội còn sợ, lúc khác về sau như bọn cướp hại người, làm mờ mắt chánh pháp. Ôi! Gặp phải thứ chủng tộc đui mù bẩm sinh chưa từng mộng thấy Tổ sư, lại nói Ngài Đạt-ma quy không, gọi đó là truyền pháp cứu mê tình. Cho đến mượn danh của Mã Tổ, Triệu Châu, bậc thầy của đại tông tối thượng để lừa bịp người sau. Lại còn khoác lác nói việc sơ Tổ quấy một chiếc giày về Tây, Phổ Hóa nói trong quan tài trống không là pháp thuật có linh nghiệm, gọi đó là thể xác và tinh thần đều vi diệu, pháp sinh tử bí mật. Họ tương truyền học tập lẫn nhau và ai cũng thích điều này. Sinh ra lo sợ ngày ba mươi tháng chạp (ngày chết), hốt hoảng tranh nhau học cách trở về, đêm ba mươi lạy ảnh gọi chủ nhân ông. Đây thật là dối gạt Diêm-la, chạy theo hư nguy, gây tạo tội lỗi, bị các cao nhân chê cười. Lại có hạng người mượn nguồn gốc của Đạt-ma, Triệu Châu, mười hai thời riêng ca bài tụng Bàn cư sĩ chuyển hà xa, chỉ dạy lẫn nhau, âm thầm truyền trì, hy vọng sinh lên cõi trời. Lại còn nói biết trước ngày chết mà không biết đây thật là các vọng tưởng, tà tâm, ái kiến, vốn là nhân lành lại vờ lấy quả ác. Thường thấy những người tài giỏi có tài biện luận, nhưng không biết nhân của Tông, thường tin điều ấy, đâu biết đánh mất nếp cũ, vẽ cọp thành chồn, gặp người sáng mắt thấy rõ, lặng nhìn thương xót! Lẽ nào thể tài của chư Phật và các Tổ chỉ có như vậy ư? Không hề soi chiếu lại chính mình từ đầu đến cuối cố nhiên có thể biết. Người trong nước học điều này đông như mè như lúa, dần dần thành phong trào, không biết là kỳ quái. Còn các bậc trí thức sớm nhận ra nên không theo thói cũ. Lo sợ nghĩ mình chưa thâm nhập chỗ then chốt. Lập chí tuy chuyên chú, lặn lội tuy xa, gặp người Tăng thượng mạn dắt dẫn vào rừng tà kiến, một lần sai trái mãi mãi không quay lại. Cứ thế trôi lăn dài lâu không thể ngừng dứt được. Vì vậy nêu ra những lời này, thông báo cho mọi người; ngõ hầu những người có chí nguyện đối với đại giải thoát, đại tổng trì có thể phân biệt rõ mà cùng nhập vào biển đại Tát-bà-nhã, lái thuyền từ tiếp độ chúng sinh, khiến cho diệu đạo chân chánh lưu truyền không dứt, lẽ nào không nhanh chóng ư!

21. Nói về đóng cửa các đường ác, mở bày đường chánh Niết-bàn.

Cửa các đường ác chính là Tam nghiệp thân, khẩu, ý. Đó là: Sát sinh, trộm cắp, dâm dục của thân, nói dối, nói thiêu dệt, nói lời hung ác, nói lưỡi đôi chiều của miệng và tham lam, sân hận, si mê của ý Người

tu Tịnh nghiệp phải chánh tâm hướng về đạo, cắt đứt mười hạnh bất thiện trên thì không rơi vào đường ác. Gọi đó là đóng cửa các đường ác. Khai thị là chỉ ra, Niết-bàn là bất sinh bất diệt. Chánh là con đường không thiên một bên, tức là con đường Tây phương. Nay có người ngu si cho rằng miệng là cửa các đường ác, mũi là đường Niết-bàn, dạy người lúc sắp qua đời khẩn trương bịt miệng họ, khiến cho khí từ mũi xuất ra, gọi đó là một bước ra khỏi cửa. Lại vọng lấy chữ A làm công án, dạy người trong miệng ra sức chịu đựng tất cả khí thấu qua một cửa này. Hoặc nói xung quanh chữ A là rượu, sắc, tài, khí, hoặc nói là đất, nước, lửa, gió, hoặc nói là sinh, già, bệnh, chết v.v... Ấy đều là mười mức độ vọng chấp quanh co. Than ôi! Một chữ A này lừa dối biết bao nhiêu người. Thật không biết chữ này trong “Ngọc thiên” có ghi rõ: Hộ ngoại thiết (âm là họa) tức là chữ A khứ thanh. Chữ A tất cả người đời trong miệng chưa từng không nói. Dụ như mất vật, người bỗng tìm thấy, bất giác phát ra tiếng này, chính là chữ A. Tông môn nói nhiều về chữ này. Bởi vì người tìm thầy học đạo, tham cứu hai, ba mươi năm, bỗng nhiên tâm phát hiện hiểu được việc này, bất giác vang lên tiếng A, như mất vật mà tìm thấy được, vui mừng như được sống lại, chính là nghĩa của chữ này. Như vậy thì người niệm Phật chỉ cần trong từng niệm tỉnh thức. Rất ráo bản tánh Di-đà, bỗng nhiên thân ngộ, thân thấy, thật sự đạt đến chỗ tiếng vang “A”, tự nhiên rõ ràng thông suốt. Cho nên Thiền sư Trí Giác Từ Thọ nói: “Ngoài tâm cầu pháp như mong gái đã sinh con. Ý khởi suy nghĩ, như chờ hoa đốm giữa hư không kết quả, vốn không bao giờ có tánh tự vô vi, trí không thể vận chuyển ý này, hình tượng dùng gì để diễn tả hình nghi ấy. Đường ngôn ngữ mất, là ngày tìm được đường về. Chỗ tâm hành diệt, là lúc trút bỏ thân mạng. Có thể nói chỉ một việc này là thật, ngoài ra các việc khác đều là luống dối.

22. Nói về bốn loài sinh.

Thiền sư Đại Châu Tuệ Hải nói: “Chín loài chúng sinh, một tâm đầy đủ, hễ gây nhân loài nào thì thành loài đó. Vô minh ngu tối là noãn sinh, phiền não trói buộc là thai sinh, thích nước thấm nhuần là thấp sinh, khởi vọng niệm là hóa sinh. Ngộ gọi là Phật, mê gọi là chúng sinh. Bồ-tát chỉ nhớ nghĩ đến độ chúng sinh, nếu hiểu rõ tâm thể vắng lặng gọi là độ chúng sinh. Người trí từ trên bản tế của mình hóa độ khi chưa thành hình, chưa thành hình đã không, thì biết thật không có chúng sinh nào được diệt độ.” Nay có hạng người ngu si không biết tâm mình, dự đoán bữa bãi, vọng nói lúc qua đời mất thấy các thứ xe ngựa, lầu đài, phước lọng, chũm chọe là bốn sinh; đầu thai trong sáu đường đi không

theo người khác là thoát khỏi bốn sinh. Thật không biết cảnh hiện ra lúc sắp qua đời là những nghiệp thiện ác đã gây ra lúc còn sống. Thân thức tự hiện ra chẳng phải do bên ngoài mang đến. Cho nên người xưa nói: “Làm ác thì cảnh ác hiện ra trước mắt, niệm Phật thì cảnh giới Phật tự đến. Nếu trong lúc này nắm bắt không vững, không làm chủ được, thường bị điên đảo vọng tưởng sai sử, đến lúc gió lửa tan hoại như con cua trong nồi nước sôi thì làm sao làm chủ được? Vì thế, Thiền sư Khuê Phong nói: “Làm việc có nghĩa là tâm tĩnh ngộ, làm việc vô nghĩa là tâm cuồng loạn. Cuồng loạn tùy theo niệm chúng sinh nên qua đời bị nghiệp dẫn dắt. Tĩnh ngộ không theo niệm hữu tình nên lúc qua đời có thể chuyển nghiệp.” Nay nêu ra lời này nói thẳng với mọi người phải tự nhớ nghĩ, ta nay tu hành Tịnh nghiệp vốn để thoát khỏi sinh tử. Phật Tổ rủ lòng Từ dạy bảo, há lừa dối ta ư? Vì thế chúng ta phải nương chánh pháp, một lòng chân thật chuyên niệm Phật Di-đà, lìa bỏ các luống dối, sáng chiếu niệm Phật nguyện sinh Tây phương. Như thế thì nghiệp thức trần lao lập tức tiêu tan. Nhìn lại chính mình việc sinh tử còn không thật có thì còn nói gì là chúng sinh, nên sám nói: Trong một niệm được Tam-muội Niệm Phật, độ khắp chúng sinh trong sáu đường ở khắp mười phương, tất cả chúng sinh đều ra khỏi vòng khổ, đồng sinh Tịnh độ. Có thể nói vọng tâm là Bồ-đề; sinh tử, Niết-bàn vốn như nhau.

23. Phá vọng lập mười hiệu.

Văn Tây phương ghi: Người niệm Phật, ở trong tướng tốt sáng chói được thấy Phật Di-đà thì vô minh liên tiêu trừ, phiền não mất hẳn, cửa pháp giới bỗng nhiên thông suốt, đường nhất thừa khai mở, mười hiệu đầy đủ rõ ràng, ba thân hiển bày tròn đầy. Đây là nói về người tu hành chứng quả Phật, mười hiệu hiển bày.

Mười hiệu: Kinh Bồ-tát Thiệng Giới ghi:

1. Như Lai: Không luống dối.
2. Ứng Cúng: Ruộng phước tốt lành.
3. Chánh Biến Tri: Biết pháp giới.
4. Minh Hạnh Túc: Đầy đủ tam minh: Thiên nhãn trí minh, túc mạng trí minh và lậu tận trí minh.
5. Thiệng Thệ: Không trở lại.
6. Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ: Biết hai thế gian: Thế gian quốc độ (vô tình) và thế gian chúng sinh (hữu tình).
7. Điều Ngự Trượng Phu: Có khả năng điều phục các chúng sinh xấu ác.
8. Thiên Nhân Sư: Làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh.

9. Phật: Biết pháp tu thiện, bất thiện; pháp tu chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện.

10. Thế Tôn: Trong một cõi nước không có hai vị Phật.

Vì sao người ngu không biết Phật pháp vọng lập mười hiệu quy trình, xưng là Đại sư Đạt-ma truyền đến bí Pháp sinh tử. Lại nói: Thước sào quán đảnh, lô nha xuyên, ngọc trụ thô hỗn, xà nhập côn đang Ba-tư dâng hiến của báu, trống trời không kêu, ao sen khô cạn, nhị tổ (Tuệ Khả) chặt tay, đứng tuyết phủ ngang hông, Thần Quang bất hiện, lấy mười việc này gọi là việc nhân duyên lớn. Liên tông rõ ràng bị bọn thầy mù kẻ đui, truyền trao lẫn nhau, dối gạt tính mạng con người. Từ tối vào tối, đọa vào phi đạo, làm sao không suy nghĩ được? Đại sư Đạt-ma ban đầu đến nước này, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Sao lại có đặt ra một pháp truyền trao được? Lẽ nào không nghe Ngũ tổ Hoằng Nhẫn đại Sư nói với Lục tổ rằng: Phật tức là lấy tâm truyền tâm, Thiền pháp tức là lấy tâm ấn tâm, Phật Phật chỉ truyền bản thể, Tổ Tổ thăm phó bản tâm là vậy.

Trang Tử nói: Nếu đem cái hay của đạo truyền trao cho người thì không ai không truyền cho con cháu. Nếu đem cái hay của đạo dâng hiến cho người thì không ai không dâng hiến cho vua tôi. Đạo không thể truyền trao, dâng hiến, trong không có chủ, ngoài không có sự chứng nghiệm. Lại từng nghe Phật Thích-ca Thế Tôn ngàn đời hun đúc đạo hạnh, trăm kiếp tu tâm. Từ cung trời Đâu-suất giáng sinh chốn cung vua. Ngài từ bỏ vinh hoa giàu sang, đến núi Tuyết tu hành, sáu năm khổ hạnh chỉ ăn mè lúa, thấy sao sáng (sao mai) ngộ đạo thành Phật. Trong loài người và bậc Thánh xưng là bậc Đại giác, mười hiệu đầy đủ, làm thầy trời, người. Còn các loại chim khách làm tổ trên đầu, mồm lau xuyên đều đều là việc thật sự thuở xưa, ban đầu không có pháp biểu hiện chỉ là nói lên ý ngời yên bất động, định lâu quên thân. Người học sau này không gần gũi bậc tri thức, không thể nhận được Phật của mình, kiến lập giáo môn thật không phải chuyện dễ. Mới được nhập vào tông môn khác, hạnh nguyện không huân tập, thấy biết cũng không, liền muốn làm thầy truyền độ đệ tử, ra oai ra dáng, khoe khoang mình là người đã lãnh hội. Vì thế rơi vào bọn tà ma, học nhiều pháp tà khác, nhiều chất độc ngấm vào tâm như quỷ bị té xuống nước, như trong bóng tối kéo người xuống địa ngục. Khổ thay! Khổ thay!

Nếu Nhị Tổ chặt tay, đứng tuyết phủ ngang hông chính là lúc ấy nhờ ý chí mạnh mẽ vì pháp quên thân. Bản truyện có ghi đầy đủ rõ ràng, người học phải nên nghiên cứu kỹ càng. Lẽ nào có thể vọng làm

cam chịu, tội hủy báng Phật pháp mãi mãi chìm đắm trong bể khổ. Ngài Vĩnh Gia nói: “Sai chẳng sai mà đúng cũng chẳng đúng, sai một mảy may mất đi ngàn dặm, đúng thì Long nữ lập tức thành Phật, sai thì Thiện Tinh còn sống đã rơi vào địa ngục. Có tin chẳng, tận tình quét sạch căn nhà trống, cây sắt nở hoa riêng gì xuân.”

24. Thệ nguyện lưu thông.

Thiết nghĩ một niệm đầu tiên vốn từ trong Tịnh độ mà có, chìm đắm nhiều đời, chưa thoát khỏi thế giới Ta-bà, may mắn gặp được Liên xã, gặp được chánh tông. Mong nhờ bóng mát Tam bảo, cảm ơn sự dạy dỗ của các bậc Đạo sư, xin cúi đầu làm đệ tử của giáo môn. Có nhiều người tu hành sai đường, không còn tín tâm đối với Phật pháp, biến thành dân ma. Đến nỗi người lương thiện cũng gặp phải tà đạo. Chánh nhân mất hẳn thì tuệ mạng khó còn, ngược lại chiêu cảm tội hủy báng Phật pháp, người có công đức trì tụng, thấy cảnh giới này than dài, thống thiết thân tâm, không thể nhìn được. Vì thế chúng ta phải sưa tằm ý chỉ của Đại tạng, để chứng minh bốn tông, quét sạch chỗ đứng sai của trăm tông phái, soi sáng đại đạo. Thông thường là nương kinh luận nói rõ lý, hiển bày chánh xô ngã tà, chiếu rõ khắp nơi nên gọi là Bảo giám (gương báu). Giúp cho hàng hậu học soi rõ mắt tâm, dẹp xấu tự biết, dắt người lạc đường trở về nhà, khỏi bị trôi nổi long đong.

Tập sách này đã hoàn thành, muốn bày tỏ ý chí, trăm lạy tổ đình, lại lập thệ lớn, kính bạch chư Phật mười phương, các Đại tổ sư mong được ban từ quang, chứng minh lời cầu nguyện thành kính. Tự phát tâm lập nguyện nương theo số chữ trong các thiên của tập Liên Tông Bảo giám, mỗi chữ ba lạy, mỗi lạy niệm một biến tâm chú Lăng-nghiêm, ba lần xưng tôn hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, mong lòng Từ bi của Ngài thương xót ban cho pháp lực, ngầm tăng thêm sức mạnh, khiến cho tà ma ngoại đạo quy y, muốn chân thừa truyền bá, cho người mù được sáng mắt. Đối với các bệnh khổ nguyện làm thuốc hay, trong đường u ám tối tăm làm đèn đuốc soi sáng, trong biển khổ sóng lớn làm thuyền bè! Chỗ hiểm nguy làm chiếc cầu lớn, trong đường mê chỉ cho đường chánh. Rộng vì các thượng thiện nhân trong các Liên xã ở mười phương, cùng sám hối, gột rửa thân tâm. Mỗi nguyện tiêu trừ nghiệp chướng, tội phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp. Một trí có thể diệt ngu si muôn năm, như một ngọn đèn có thể xua tan sự u tối ngàn năm. Ý vọng động không còn thì hoa đốm trong hư không biến mất, chánh tín sinh thì tịnh hạnh rõ ràng. Một lòng tin lạy Phật Di-đà, hồi hướng cùng khắp đại chúng, từ hôm nay đều phát tâm Bồ-đề, đến tận muôn kiếp vị lai thường

thực hành đạo Bồ-tát, lìa phi phạm hạnh, xa thầy tà kiến. Nguyên hết báo thân này cùng sinh về nước An dưỡng, thường tu sáu niệm và Lục Ba-la-mật, rộng chuyển vận bốn tâm vô lượng, bốn thế nguyện rộng lớn, phát bốn mươi tám lời nguyện như Phật Di-đà, đăc Tam-muội niệm Phật như Ngài Đại Thế Chí, tu theo hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền, như lòng Từ bi của Ngài Quán Thế Âm, học trí tuệ như Ngài Văn-Thù, kế đến là chứng Nhất sinh bổ xứ như Ngài Di-lặc. Mau nhập vào pháp giới, viên chứng thượng thừa, phân thân trùm khắp mười phương, lòng Từ bi rộng lớn, độ khắp tất cả chúng sinh. Dựng cờ pháp, lập tông chỉ, chiếu sáng mắt tuệ trừ ngu si tối tăm. Các tà ma, ngoại đạo hết thầy đều quy hàng. Khắp nơi đều được hướng dẫn, biện tài vô ngại làm lợi khắp trần sa, uy đức vô biên cứu giúp hàm thức (chúng sinh), cha mẹ sư trưởng đều chứng pháp môn giải thoát, oán thân nhiều kiếp tất cả đều ra khỏi biển đấm chìm.

Mong rằng, người nhìn thấy tập sách này khởi tâm hộ pháp, diệt sạch mê tình trong nhiều kiếp, xé rách lưới nghi ngàn lớp, mau mở được chánh nhãn, ngộ rõ bốn tâm. Đạo tràng Tịnh độ bất động mà đến, khắp Tây phương Đại Thánh như ở trước mặt, muôn pháp nhiệm mầu rõ ràng cũng tại đây. Chỉ mong trời, rồng vui mừng nghe chánh pháp để che chở, phàm Thánh quy y, quét sạch tà phong, mở mang Tổ đạo, truyền bá tông phong, dung hòa đại thiên làm thành một cõi nước to lớn trong sạch. Khiến cho tất cả chúng sinh yêu thích giáo hóa vô vi, chánh kiến, và tà kiến đều nhập Vô sinh.

Ân lớn.

Ôn Phật đáp đền trong nhất thời, thế giới hư không cùng tận, cõi chúng sinh cùng tận, nghiệp chướng chúng sinh cùng tận, phiền não của chúng sinh cùng tận, nguyện con mới cùng tận. Thế giới hư không cho đến nghiệp chướng, phiền não chúng sinh không thể cùng tận thì nguyện vương này của con không cùng tận. Niệm niệm nối nhau, không xen hở, Tam nghiệp thân, khẩu, ý không mệt mỏi nhằm chán. Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện như vậy, các Đại Tổ sư phát nguyện cũng giống như vậy, nay nguyện con cũng giống như vậy. Rộng vì đại chúng Liên xã phát nguyện cũng giống như vậy. Đến tận mé vị lai tất cả hữu tình và vô tình phát nguyện cũng giống như vậy. Như thế không ai không như vậy, nguyện đồng như hằng sa chúng này đều nhập vào biển nguyện của Như Lai.

Các bậc Danh đức viết lời bạt.

1. Tôi từng xem cái ngày nay gọi là tôn sùng Liên tông, phần

nhieu không dựa theo ý của tổ Tuệ Viễn, chẳng phải có thứ tự tiến tu mà còn mê hoặc nơi thầy tà, hiểu bậy. Hận rằng chưa có người nào có thể cứu vớt sự tệ hại này, Đại sư Ưu-Đàm bèn tham cứu kinh luận, truyện ký và cả các bậc lão Tăng, danh Nho xưa nay, tập hợp các lời lành tốt rồi chỉnh sửa viết thành tập gồm mười quyển gọi là Liên tông Bảo giám. Lập ra chính luận để phá bỏ thuyết tà, phát khởi trí chân thật để trừ bỏ vọng tình, lời lẽ nghĩa ấy sâu xa mà sáng tỏ, những việc được nêu rõ ràng mà rọt ráo. Hợp ba giáo về một nguồn, thẳng một mối để dẫn dắt lòng tin. Như gương soi hình rõ ràng sáng tỏ, đâu phải chỉ dành riêng cho hạng thiện nhân chuyên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, mà còn mong mọi người sáng tỏ bản tâm, thấy tự tánh, ngay đây thành Phật. Do tôi từng đứng chủ Đông lâm muốn chuyển lại lời này để làm chứng và trả lời những người đã thật sự biết được tâm tôi, cùng quỳ chấp tay hướng về Tây mà rằng: Lành thay! Lành thay! Như vậy! Như vậy!

Năm Ất tỵ niên hiệu Đại Đức thứ 8, ngày 15 tháng 8. Thiên Đồng Viên Ứng ông già Tịnh Nhật ở Minh Châu đề.

2. Bảo Giám là tấm kính chiếu tâm. Tấm kính chủ yếu để soi sáng mọi sự tối tăm, phân biệt mọi sự xấu đẹp. Khi treo lên thì không gì không thấy. Đại sư Ưu-Đàm ở tổ đường Đông Lâm gọi là phổ độ vì Ngài có đủ chánh tri kiến, luôn luôn nghĩ đến sự hiểu lầm hiểu bậy Liên tông nên đã phán đoán trong các sách Nho, Thích, tuyển chọn thành Bảo Giám gồm mười quyển, phát minh Tam-muội niệm Phật chánh tông, phàm mỗi câu chữ đều dựa theo lời Phật tổ, Long thiên, quét sạch thuyết ma, thật là một pháp môn mạch lạc, có hệ thống, dụng ý chân thành, cần khổ. Tâm dũng cảm phò trợ tông phong đồng máu chốt với tâm lập giáo của mười tám vị Hiền. Người nghe kẻ thấy đều đến đường cái, hoặc xuôi hoặc ngược đều được thoải mái. Lại viết kệ rằng:

*Liên tông ngàn năm mở rộng chính luận
Bảo Giám sáng quốc treo tầng không
Nay đem bản in hoàn thành
Muôn lượng vàng ròng cũng đáng tiêu.*

3. Liên tông viết: Tham thiền chủ yếu là thấy tánh, xem giáo quý ở soi tâm. Tôi cho rằng pháp môn niệm Phật cùng Thiền, Giáo đồng hành. Nay có Pháp sư Ưu-Đàm, Phổ Độ chọn lấy các yếu chỉ niệm Phật xưa nay gom thành một bộ, đặt tên là Liên tông Bảo Giám. Nếu kẻ nhờ lòng tin mà được tịnh niệm nối tiếp thì đâu cần có bản văn này. Còn kẻ chấp chặt hiểu bậy, không phân tốt xấu, giữa ban ngày lầm đường, nên đến đây lại qua kia thì nên lấy đây là kim chỉ nam.

Ngày 15 tháng lành năm Ất ty niên hiệu Đại Đức, Vụ Tây Phong, Tông Tín viết lời bạt.

4. Tự tánh Di-đà thời thời hiện, duy tâm Tịnh độ pháp pháp tỏ, ai nhớ Viễn Công ngàn năm sau, Liên tông Bảo Giám lại sáng rõ.

Đại Khánh Thọ Tây Vân đề - Tông sư Phổ Độ Liên xã Đông lâm thuật.

Đọc lại việc Liên tông Bảo Giám bái yết lời gửi gắm của Viễn Công mà khởi tâm kính trọng. Xin kính nói kệ để cảm tạ:

*Chúng sinh khắp nơi bệnh đau nhiều
 Ngay sắp bệnh nặng khéo chữa trị
 Nơi ao sen trắng, Ưu-Đàm hiện
 Muôn học hương bay rợp gò lô.
 Tiến Phúc Nguyệt.*

Tham thiền và niệm Phật tôi đều không bỏ. Nghe rằng thiền có bênh thiền, Phật có ma của Phật. Cách xa thời Thánh hiền, đâu đâu cũng vậy. Đại sư Ưu-Đàm không thấy đành nên đã rộng dẫn chánh kinh để xóa hết thuyết tà, cho nên tập này chẳng phải vô ích. Ôi! làm sao để mọi người đều xem Bảo Giám, thấy suốt nguồn pháp, thức năng sở đều bị triệt tiêu, thị phi đều dứt. Từ Tịnh độ duy tâm thoáng đãng sáng sủa mà quên hết ngôn từ, hình ảnh, do đây tôi không thể không nói ra.

Bình Giang huyền trụ - Minh Bồn kính viết lời bạt.

Pháp không tự có phải nhờ cảnh mới có, kiếm rời bao ra vì điều bất bình, thuốc ra khỏi lọ để trị bệnh. Đại sư Ưu-Đàm xót xa cho Sự tàn tạ của Liên tông, đã tìm tòi Đại tạng, nghiên cứu Bách gia, phát minh pháp môn Tam-muội niệm Phật tuyển chọn thành sách đặt tên là Bảo Giám, sự phân mười môn còn lý thì nhất chí. Bài xích thuyết tà, sửa chữa, thẩm duyệt là chỗ lằm lạc, không dựa vào lý luận chủ quan, tẩy rửa sự ngoan cố ngu xuẩn của ý, phá vỡ sự thiên chấp nơi nguồn tâm. Đến ngồi giác thành một cách sáng tỏ, tình ràng buộc nơi vườn ruộng, trước sau giải thích nghi ngờ báo ơn lớn muôn đời, khen ngợi chi bằng để lại đời sau.

Kinh Khâm tiếp đãi, Chủ Trí Thông kính viết.

Kết Liên xã để khai thị chúng sinh, Tổ Tuệ Viễn đã giáo hóa trước đây trên ngàn năm. Tập hợp pháp báu để làm gương soi (giám), Ngài Ưu-Đàm đã thị hiện vào cuối đời tượng pháp. Lấy hoa sen làm tên để hiển bày tâm này vốn tịnh, tông này thấu nhiếp cả ba căn cơ cùng chứng đắc trọn vẹn chân (????). Lấy báu làm ví dụ để cứu vớt vô lượng chúng sinh, gọi là gương soi (giám) vì xóa tan mọi bóng tối, thông suốt

siêu vượt kiếp (????), rõ ràng thay chánh luận một nhà, rộng lớn thay việc phá trừ các tông dị thuyết. Bản văn này quả thật bổ ích. Từng xem trong tập (????) và lời tựa của thiên kinh, có thể nói rằng ngàn năm trở về sau sự chứng đắc của Ưu-đà không có hạn lượng, Tổ sư Tuệ Viễn thọ ký quả phù hợp với ngày nay, điều này có chứng minh.

Tỳ-kheo Thiên Phong, năm Chí Hựu kính ghi.

Kinh lễ nói: “Người ấy tồn tại thì khuôn phép mới cất lên.” Câu này có dụng ý nhắm đến ba tông.

Bậc Thánh nhân hiện ra cõi đời để lập giáo, làm giác ngộ chúng sinh chưa giác ngộ, khác đường nhưng đồng về một chỗ, từ thời Trung cổ đã phân phái, càng phân càng chia chẻ (có lẽ là chữ???? chứ không phải chữ????), làm mất tông chỉ thì còn gì đáng nói nữa. Liên giáo từ khi được tôn giả ở Lô Sơn đời Đông Tấn khai mở, các Bậc hiền nổi danh đương thời như họ Lô, Lưu đều ở trong xã, ta có thể lường được sự hưng thịnh của nó đến mức nào. Đến cuối đời Tống, hạng không thông tỏ tụ tập trong Liên tông phần nhiều không biết tông chỉ có tỳ vết, các Bậc hiền đời trước bị đời chê cười. Đại sư Ưu-Đàm ở Tổ đường Đông lâm thương xót cho giáo pháp bị chôn vùi và để cứu vớt những lầm lẫn tà vạy của hàng phàm tục nên đã sưu tập lời tốt lành viết thành một thiên có tên là Liên tông Bảo Giám, để đạo của Phật, Tổ trở lại thông suốt, làm rõ ràng sáng tỏ chính luận như mặt trời, mong hàng Phật tử thấy tự tánh Di-đà, ngộ xưa nay thanh tịnh, chứ nào phải chỉ có xưng dương Thánh hiệu, nghĩ tưởng Tây phương mới được sinh về Tịnh độ mà thôi. Kẻ có kiến chấp như vậy đã cô phụ tôn giả Lô Sơn không ít.

(???) Ngày lập đông, tháng lành đầu niên hiệu Đại Cải, Hàn lâm học sĩ nhận chỉ giúp thiện đại phu quản lý việc bố cáo và sửa chữa quốc sử, trù trai Trương Trọng Thọ ghi.

Xé toạc lưới che, ra khỏi biển ái, phá vô minh, vượt khỏi hữu lậu thì chỉ có pháp môn niệm Phật đứng đầu. Giả như không quá một niệm liền khế chứng thì biển trần sát mênh mông sẽ về đâu. Trí chiếu soi thì không có ngăn cách Đông Tây, tịnh uế sai khác. Bốn loài chín cõi đều vào trong tạng (????) thần thông ánh sáng lớn. Từ khi Tổ Tuệ Viễn lập giáo, kẻ huân tu thấy nghe, đạt được lợi ích không thể đếm xuể. Than ôi, thời gian trôi qua lâu xa, pháp môn thành tệ hại, Đại sư Ưu-Đàm cảm thấy bất bình đã tập hợp những bản văn quan trọng của Đại tạng và dấu vết sáng tỏ của các Bậc hiền, đặt tên là Liên tông Bảo Giám, thân đem chiếu vua mà lưu hành ở đời, thật là bản luận muôn đời không đời đổi, để học giả đời sau, xem xét văn này, đầy đủ chánh kiến mà đồng

đạo chơi nơi cõi Thường tịch quang, chẳng bỏ ích sao?

??? sáng tháng giêng, năm Giáp dần. Lô Sơn vô trụ đạo nhân Trúc Nguyên Vĩnh Thạnh kính ghi.

Cha mẹ chẳng phải người thân của ta thì còn ai khác? Chư Phật chẳng phải đạo của ta thì còn đạo nào đứng đầu? Cư sĩ Cổ Hồng Thủy Nguyệt - Hà Đạo Thăng đã vì mẹ mà giữ trai giới, bố thí tài sản, kêu gọi mọi người có duyên in một bộ Liên tông Bảo Giám, làm công việc lưu hành Phật pháp để báo đáp bốn ơn, mong mọi người đều được Tam-muội niệm Phật như Ngài Đại Thế Chí, mẹ con nhiều đời luôn gặp nhau, tâm ý khai mở đồng Ngài Tuệ Viễn chứng Bồ-đề mới có thể nói là tâm hiếu từ rất ráo rộng lớn. Ơn cha mẹ, ơn Phật đồng thời báo đáp hết, mừng cho chí hướng đó tôi xin chấp tay tán thán mà nói kệ rằng:

Lưu hành Phật pháp báo từ ân

Mẹ con thiên chân đồng một hội

Vì muốn báo ơn cầu thành Phật

Xem tấm gương ấy mà noi theo.

Ưu-Đàm - Phổ Độ ở Lô Sơn kính ghi.

Đức Phật của chúng ta sống ở phương Tây, giáo pháp Ngài lưu hành đến Trung Quốc. Không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự hành trì đó là do cơ cảm hợp nhau mà thành như vậy. Đến đời Đông Tấn, Tổ Tuệ Viễn ở Lô Sơn cùng các Hiền sĩ đại phu cùng kết duyên Tịnh độ vi diệu chuyên tu Tam-muội niệm Phật, sáng suốt lạng lẽ, lạng lẽ mà sáng suốt khai triển lời lẽ sâu xa của các bậc giác ngộ trước, mãi mãi làm tấm gương sáng soi người sau. Trên ngậm giúp hoàng độ, dưới giáo hóa làm lợi cho lê dân, có thể nói là tâm thiện tận mỹ vậy để đến ngàn năm sau vẫn có người kế tục. Tỳ-kheo Ưu-Đàm (???) thấy kẻ tự xưng mình thuộc Liên tông lại chưa từng tỏ tường chỉ thú niệm Phật, hiểu sai đường tu sai lối, mắt thấy tai nghe đâu đâu cũng có. Muốn tránh chết đuối lại gặp lửa thiêu. Thương xót cho hạng ngu tối này nên Ngài đã tìm tòi Đại tạng, rộng thấy lời lẽ sâu xa, miêu tả bốn độ, viết thành mười thiên đặt tên là Bảo Giám. Không chỉ phân tỏ tốt xấu mà còn kiểm tra chân ngụy, mở mắt cho kẻ mù, chỉ đường cho kẻ mê, mỗi câu chữ đều có bằng cứ, yếu chỉ tu hành đều nằm trong đây. Nay vâng theo Phật và các bậc thiện nhân đệ tử Ngài sinh trong thời Thánh hiền, thọ nhận ơn sâu, may mắn nghe được chánh truyền của Phật, Tổ mà có được Liên tông Bảo Giám xem qua vô cùng mừng rỡ, do đây tập hợp người đồng chí hướng, kính cẩn lia bỏ tịnh tài, kêu thợ in ấn lưu hành, thỉnh các bậc thầy Từ bi viết lời bạt, dặt tay tiến tới, tiếp dẫn người sau. Nếu không

từ chối thì thật may mắn. Tôi vì đạo nghĩa không thể từ chối bèn đốt hương nói kệ rằng:

*Lô Sơn Đông Tấn mười tám Hiền
Đào ao dẫn nước trồng sen vàng
Sen mọc hoa nở tâm sáng tỏ
Sen rụng đài thành đạo quả tròn
Phổ Độ viết văn tên Bảo Giám
Thiện nhân chép lại thiên ngọc quý
Kêu thợ in ấn lưu hành ra
Mãi mãi cùng trời người tạo chánh truyền.*

Đầu thu Kỷ Dậu niên hiệu Tuyên Đức thứ 4 đời Đại Minh, ngày Thiên lâm giải chế. Sa-môn Cổ Tinh, tặng lục coi về việc giảng kinh kính ghi.

LỜI RĂN DẠY ĐẠI CHÚNG NIỆM PHẬT CỦA HÒA THƯỢNG SỞ SƠN Ở TÂY THỰC (TỈNH TỬ XUYÊN)

Phật không tự là Phật, nhờ tâm mà thành Phật. tâm không tự là tâm, nhờ Phật mà có tâm. Lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm. Tâm Phật khác tên gọi nhưng thể chỉ là một. Cho nên niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm là niệm Phật, vô niệm thì vô tâm, vô tâm thì vô Phật. Tâm Phật đều quên, niệm không thật có, chỗ không thật có này rõ ràng phân minh, hạt bụi cũng không xen tạp, đó là dùng chân cơ nhìn rõ khắp pháp giới, khó mà ẩn giấu, sắc núi, tiếng khe hiển lộ rõ ràng, tánh tướng bình đẳng, lý sự dung hợp. Trong đó tìm một chút tướng mình người, sạch dơ hoàn toàn không thể được tại sao có Thánh, phàm, mê, ngộ? Do đây, nếu có thể khai mở trí nhãn, đốn ngộ yếu chỉ của nó, thì lập tức biết đường về không trở ngại vui mừng. Nếu chưa thể khế hợp thì phải nhờ phương tiện để vào. Cái gọi là phương tiện để vào cần gì riêng tìm huyền diệu, chỉ cần phát khởi một niệm tín tâm mạnh mẽ vững chắc, đem một câu A-di-đà Phật luôn để trong mắt tâm, bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, vắng lặng hay ồn ào, nhàn rỗi hay bận rộn, đều lặng yên niệm Phật, thường hay phản chiếu, biết rõ Phật tức là tâm. Chưa rõ tâm này là vật nào thì phải thấy rõ nhất niệm này từ chỗ nào khởi lên. Lại phải thấy rõ người thấy này rốt ráo là ai? Quán chiếu như vậy, niệm niệm không xen hở, lâu ngày luyện thành một khối, nước chảy không qua, bỗng đối với việc nghe tiếng, thấy sắc, ứng cơ tiếp vật, bất giác rõ ràng, lúc tro tàn này nóng cháy tan hư không, việc tham cứu đến đây liền thấy tự tánh Di-đà hiển hiện rõ ràng cảnh Thường Quang Tịnh độ xúc chạm rỗng rang mới tin lời tôi không lừa dối các ông, chí tu hành bình sinh của tôi cũng nghiệm được ở đây.

Vì sợ chưa hiểu nên lại nói kệ:

*Tâm Phật vốn do gương đặt tên
Đều duyên nhiếp niệm dứt mê tình
Căn trần đốn dứt, tâm châu hiện
Hư vọng trống không gương tuệ soi
Một pháp không còn vẫn là đối
Toàn cơ tan hoại chừa phải bằng
Cần phải thấy được tương hư không
Xem được Ưu-Đàm mọc trong lửa.*

BÀI CHÂM KHUYÊN TU TỊNH NGHIỆP CỦA HÒA THƯỢNG HIẾU SƠN Ở HOÀI DƯƠNG

Tội báo ba đường ác do nghiệp nặng, chìm đắm trong sáu đường bởi điều ác nhiều. Nếu muốn ra khỏi biển sinh tử phải mau quay đầu niệm Phật Di-đà.

Phật Di-đà mỗi người vốn sẵn có, chỉ vì si sân ái nên sinh tử hư huyền, chìm trong bể khổ. Nghiệp dẫn dắt muôn kiếp cam chịu ở bến mê, không khởi tâm hồi đầu niệm Phật. Nên tôi lo nghĩ, khuyên các ông phải mạnh mẽ niệm Phật để được vượt lên.

Ở phương Tây có thế giới tên là nước An dưỡng. Nước ấy có chín phẩm đài sen xinh đẹp, ba không (ngã không, pháp không, câu không) chân thật, điện báu, lầu các báu, vàng ròng đầy khắp mặt đất, ánh sáng thường chiếu sáng, không có ba đường ác. Chỉ dạy hữu tình các ông, có thể sửa đổi tâm tánh, dứt bỏ tham sân si, mọi người được trí tuệ, lắng lẽ xem xét, thấy rõ việc hồng trần. Dù chứa nhóm vàng, ngọc như núi, nhưng khó mua nổi ba tác hơi; quyến thuộc và người thân tựa xem như tuồng múa rối. Lúc sống nhóm họp vui vẻ, sau khi chết ai có thể thay mình chịu tội? Rốt cuộc cũng tan cuộc vui, bị gió mạnh cuốn trôi, thí như nơi yên tĩnh suy xét kỹ thì không có động tĩnh gì cả, sau không sớm dừng tâm niệm Phật, tu Tam-muội, đề xướng hạnh nguyện của Phật Di-đà xưa. Từ đầu đến cuối chớ lui sụt, giống như người bệnh mắt đến chỗ thầy thuốc trị bệnh, thì thầy thuốc muốn biết bệnh viễn cận, hay cao thấp phải dùng gương làm bằng cứ. Phải giữ chắc nhất niệm không hai, từng bước đi vững vàng, biết rõ rằng chỗ đến, không thể ngăn ngại. Cuối cùng có thời tiết đến, tự mình gặp được thầy thuốc giỏi, chỉ cho thang thuốc hay, đôi mắt được sáng, thấy rõ mọi việc hư huyền, ánh sáng chiếu khắp mười phương, thông suốt ba cõi, đến đi tự tại, một thể không trôi buộc, vui vẻ mặc tình rong chơi, cao xướng vui vẻ.

Nếu người nào nương theo đây mà tu đạo cùng tột, thì không có khó, dễ. Người này lúc qua đời ao sen chắc chắn sẵn dành, chỉ cần khẳng định tâm mình.

Sơn tặng tôi, không có ý lừa dối mọi người, chỉ mong mỗi người sớm xoay trở lại, tưởng niệm về phương Tây, chín phẩm ngộ chân không, nhất niệm vượt lên thật địa, thể chúng sinh và Phật vốn đồng, chứng ngộ không sai khác.